

Số: 254/KL-TTr

Hà Nội, ngày 15 tháng 12 năm 2021

TRUNG TÂM THÔNG TIN

Số: 16-12-2021
Ngày: 16-12-2021

Chuyên: TTT
Số và ký hiệu HS:

KẾT LUẬN THANH TRA

Thực hiện các quy định của pháp luật về phòng, chống xâm hại trẻ em trên địa bàn tỉnh Vĩnh Phúc

Thực hiện Quyết định số 132/QĐ-TTr ngày 11 tháng 10 năm 2021 của Chánh Thanh tra Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội (sau đây viết tắt là LĐTBXH) về thanh tra việc thực hiện các quy định của pháp luật về phòng, chống xâm hại trẻ em trên địa bàn tỉnh Vĩnh Phúc, thời kỳ thanh tra từ 01/01/2019 đến thời điểm tiến hành thanh tra, Đoàn thanh tra theo Quyết định số 132/QĐ-TTr nêu trên đã tiến hành thanh tra tại Ủy ban nhân dân (sau đây viết tắt là UBND) tỉnh Vĩnh Phúc, Sở LĐTBXH, Quỹ bảo trợ trẻ em tỉnh Vĩnh Phúc, Trung tâm Công tác xã hội tỉnh Vĩnh Phúc, UBND huyện Bình Xuyên, UBND 02 xã Sơn Lôi và Tam Hợp thuộc huyện Bình Xuyên và các tổ chức, cá nhân có liên quan.

Xét Báo cáo kết quả thanh tra ngày 26/11/2021 của Trưởng đoàn thanh tra, Chánh thanh tra Bộ LĐTBXH kết luận như sau:

I. KHÁI QUÁT TÌNH HÌNH KINH TẾ - XÃ HỘI CỦA ĐỊA PHƯƠNG

Vĩnh Phúc là tỉnh thuộc vùng đồng bằng sông Hồng, vùng kinh tế trọng điểm Bắc Bộ và trong quy hoạch vùng thủ đô Hà Nội. Tổng dân số hiện tại của tỉnh là 1.171.232 người, gồm 9 đơn vị hành chính (02 thành phố, 07 huyện), 136 xã, phường, thị trấn với 1.379 thôn, tổ dân phố, gần 71% dân số sống ở khu vực nông thôn.

Trong những năm gần đây, kinh tế của tỉnh Vĩnh Phúc có những bước phát triển mạnh mẽ, năm 2020 quy mô GRDP theo giá hiện hành ước đạt 122,6 nghìn tỷ đồng, GRDP bình quân đầu người đạt 104,7 triệu đồng, thu ngân sách đạt 25.192 tỷ đồng, cơ cấu kinh tế chuyển dịch theo hướng tích cực, tỉ trọng ngành công nghiệp, xây dựng chiếm 61,95%, dịch vụ chiếm 29,82%, nông, lâm nghiệp, thủy sản chiếm 8,23%. Chính vì vậy, công tác an sinh xã hội luôn được Tỉnh ủy, Hội đồng nhân dân (sau đây viết tắt là HĐND) quan tâm chỉ đạo thực hiện, ngoài những chính sách chung, địa phương đã ban hành nhiều chính sách hỗ trợ cao hơn mức của trung ương cho các đối tượng thụ hưởng, trong đó có chính sách đối với trẻ em.

Hiện tại, tỉnh Vĩnh Phúc có 317.804 trẻ em, chiếm 26,65% dân số, trong đó: Nam 186.179 em, chiếm 58,6%; nữ 131.625 em, chiếm 41,4% tổng số trẻ em. Số trẻ em có hoàn cảnh đặc biệt 3.675 em, chiếm 1,15% tổng số trẻ em toàn tỉnh, trong đó: 3.074 trẻ em khuyết tật, 179 trẻ em mồ côi cả cha và mẹ, 14 trẻ em bị bỏ rơi, 23 trẻ em bị xâm hại tình dục, 385 trẻ em có hoàn cảnh đặc biệt khác.

II. KẾT QUẢ KIỂM TRA, XÁC MINH

1. Công tác lãnh đạo, chỉ đạo và triển khai chính sách, pháp luật về phòng chống, xâm hại trẻ em

1.1. Việc ban hành các văn bản chỉ đạo, điều hành

- Trong thời kỳ thanh tra, HĐND, UBND tỉnh đã ban hành và chỉ đạo các Sở, ngành, UBND các huyện, thành phố ban hành nhiều văn bản chỉ đạo triển khai về thực hiện chính sách, pháp luật đối với công tác chăm sóc, giáo dục và bảo vệ trẻ em; chính sách, pháp luật phòng, chống bạo lực học đường; chính sách, pháp luật phòng, chống bạo lực gia đình; phòng, chống tai nạn, thương tích đối với trẻ em (Phụ lục số 01 kèm theo).

- Hàng năm, căn cứ văn bản chỉ đạo của tỉnh, UBND huyện Bình Xuyên, UBND 02 xã Sơn Lôi và Tam Hợp thuộc huyện Bình Xuyên đã ban hành các văn bản, kế hoạch triển khai thực hiện chính sách, pháp luật đối với công tác chăm sóc, giáo dục và bảo vệ trẻ em; chính sách, pháp luật phòng, chống bạo lực học đường; chính sách, pháp luật phòng, chống bạo lực gia đình; phòng, chống tai nạn, thương tích đối với trẻ em.

Tuy nhiên, HĐND huyện Bình Xuyên và 02 xã được thanh tra (Sơn Lôi, Tam Hợp) chưa ban hành Nghị quyết để thực hiện và tăng cường giám sát việc thực hiện chính sách, pháp luật về trẻ em, trong đó có nội dung phòng, chống xâm hại trẻ em tại địa phương theo quy định tại điểm a khoản 6 Điều 2 Nghị quyết số 121/2020/QH14 ngày 19/6/2020 của Quốc hội về tiếp tục tăng cường hiệu lực, hiệu quả việc thực hiện chính sách, pháp luật về phòng, chống xâm hại trẻ em (sau đây gọi là Nghị quyết số 121/2020/QH14).

UBND huyện Bình Xuyên và 02 xã được thanh tra (Sơn Lôi, Tam Hợp) chưa báo cáo HĐND cùng cấp việc thực hiện quyền trẻ em, giải quyết các vấn đề về trẻ em của địa phương, trong đó có nội dung thực hiện phòng, chống xâm hại trẻ em tại địa phương theo quy định tại điểm b khoản 6 Điều 2 Nghị quyết số 121/2020/QH14.

1.2. Công tác triển khai các chương trình, kế hoạch, đề án

UBND tỉnh đã xây dựng và triển khai thực hiện các chương trình, kế hoạch, đề án về bảo vệ và phòng, chống xâm hại trẻ em. Phòng LĐTBXH huyện Bình Xuyên đã tham mưu UBND huyện ban hành chương trình, kế hoạch triển khai thực hiện trên địa bàn đảm bảo phù hợp với tình hình thực tiễn của địa phương.

(Chi tiết tại Phụ lục số 1).

2. Công tác phòng ngừa xâm hại trẻ em

2.1. Hoạt động tuyên truyền, phổ biến kiến thức, kỹ năng

2.1.1. Tại tỉnh

UBND tỉnh Vĩnh Phúc đã chỉ đạo các Sở, ban, ngành, UBND các huyện, thành phố tuyên truyền, phổ biến các chủ trương, chính sách pháp luật về bảo vệ, chăm sóc trẻ em; kiến thức, kỹ năng về nhận diện tội phạm; kỹ năng nhận biết các nguy cơ dẫn đến xâm hại trẻ em; giáo dục trẻ em tự bảo vệ mình, giáo

dục giới tính và chăm sóc sức khỏe sinh sản, sức khỏe tình dục cho trẻ em vị thành niên, cụ thể:

a) Tại Sở LĐTBXH: Đã cấp 450 cuốn tài liệu về văn bản, chính sách pháp luật về bảo vệ, chăm sóc, giáo dục trẻ em cho đội ngũ cán bộ làm công tác chăm sóc và bảo vệ trẻ em các cấp; in, cấp 70.000 tờ rơi, 1.000 cuốn sách về phòng, chống bạo lực, xâm hại tình dục trẻ em cho các hộ gia đình, học sinh trong các trường trên địa bàn tỉnh; xây dựng 04 đĩa CD về phòng chống, xâm hại trẻ em để tổ chức tuyên truyền lưu động, tổ chức 03 chiến dịch truyền thông lưu động; treo 166 panô, khẩu hiệu, băng rôn về bảo vệ, chăm sóc trẻ em trên các trục đường chính trên địa bàn tỉnh vào dịp Tháng hành động vì trẻ em; phát 6.120 cuốn tạp chí gia đình và trẻ em cho cán bộ lãnh đạo các cấp; phổ biến rộng rãi về Tổng đài điện thoại quốc gia bảo vệ trẻ em 111, đường dây tư vấn của Trung tâm Công tác xã hội tỉnh 1800585898 để can thiệp, tư vấn, hỗ trợ kịp thời các trường hợp trẻ em bị xâm hại, bạo lực; phối hợp với Đài phát thanh và Truyền hình tỉnh, Báo Vĩnh Phúc, Cổng Thông tin điện tử tỉnh, Tạp chí Gia đình và Trẻ em để xây dựng và phát sóng hơn 100 phóng sự, chuyên mục, tin, bài có các nội dung phản ánh về chăm sóc, giáo dục và bảo vệ trẻ em nói chung và phòng, chống bạo lực, xâm hại trẻ em; tổ chức 03 hội nghị tuyên truyền, nâng cao năng lực cho cán bộ làm công tác bảo vệ và chăm sóc trẻ em cấp huyện, cấp xã cho 880 lượt đại biểu; tổ chức 20 hội nghị tập huấn, truyền thông về phòng, chống bạo lực xâm hại trẻ em, phòng ngừa trẻ em có nguy cơ lang thang, lao động sớm, trẻ em có nguy cơ rơi vào hoàn cảnh đặc biệt cho đại diện gần 6.000 hộ gia đình tại các xã trên địa bàn tỉnh; tổ chức 22 hội nghị truyền thông phòng, chống xâm hại trẻ em cho trên 18.500 học sinh và cán bộ, giáo viên tại 22 trường tiểu học, trung học cơ sở trên địa bàn tỉnh; tổ chức Diễn đàn trẻ em cấp tỉnh với chủ đề “Trẻ em với phòng, chống bạo lực, xâm hại trẻ em” với 800 lượt trẻ em tham gia.

b) Tại Sở Thông tin và Truyền thông: Đã chỉ đạo Báo Vĩnh Phúc, Đài Phát thanh và Truyền hình tỉnh và Cổng Thông tin - Giao tiếp điện tử tỉnh đã xây dựng, phát sóng, đăng tải các tin, bài, ảnh, phóng sự, chuyên trang, chuyên mục phản ánh công tác bảo vệ, chăm sóc và giáo dục trẻ em trên địa bàn tỉnh.

c) Tại Sở Giáo dục và Đào tạo: Đã phối hợp Sở Y tế triển khai thực hiện công tác truyền thông về y tế trường học; phối hợp với Văn phòng Ban An toàn giao thông tỉnh và Công an tỉnh tổ chức các hoạt động giáo dục về an toàn giao thông, lắp đặt thí điểm mô hình an toàn giao thông trong trường học; tổ chức tuyên truyền giáo dục phòng, chống đuối nước cho 100% trường phổ thông trong toàn tỉnh; tập huấn nghiệp vụ dạy bơi, cứu đuối nước cho 52 giáo viên thể dục của 52 trường tiểu học, trung học cơ sở và trung học phổ thông; tổ chức truyền thông về các kỹ năng phòng ngừa, xử lý các tình huống, hành vi xâm hại trẻ em cho toàn bộ cán bộ giáo viên, nhân viên trong nhà trường và phụ huynh tại 12 trường trung học cơ sở trên địa bàn tỉnh; phát 5.000 tờ rơi về phòng ngừa, xử lý các tình huống, hành vi xâm hại, bạo lực trẻ em.

d) Tại Sở Văn hóa - Thể thao và Du lịch: Đã tổ chức tuyên truyền đường lối chủ trương của Đảng, chính sách pháp luật của Nhà nước về công

tác gia đình và Luật phòng, chống bạo lực gia đình, Luật Bình đẳng giới, Luật Hôn nhân và Gia đình, Luật Trẻ em, các kiến thức về gia đình và văn hóa gia đình, thực hiện nếp sống văn minh cho cán bộ, công chức, người dân sinh sống trên địa bàn tỉnh; in, cấp phát 15.000 tờ rơi, 2.000 cuốn “*Tài liệu tuyên truyền về công tác gia đình, trẻ em*” cho các huyện, thành phố; treo 500 pano, áp phích, băng zôn tuyên truyền lồng ghép nhân ngày “Quốc tế hạnh phúc 20/3”, ngày “Gia đình Việt Nam 28/6”, ngày “Thế giới xóa bỏ bạo lực với phụ nữ và trẻ em gái 25/11” và tháng “Hành động quốc gia phòng, chống bạo lực gia đình”, tháng “Hành động vì trẻ em”.

e) Tại Công an tỉnh: Đã tổ chức tuyên truyền, hướng dẫn cho các cấp chính quyền, ban ngành, đoàn thể, tổ chức xã hội các đơn vị tham gia phòng ngừa đấu tranh ngăn chặn các loại tội phạm xâm hại trẻ em; hàng năm, tổ chức Lễ ra quân tuần hành trên đường đồng thời treo 1.642 pano, áp phích, khẩu hiệu (nội dung về việc phòng ngừa, trợ giúp người chưa thành niên vi phạm pháp luật dựa vào cộng đồng; phòng, chống xâm hại tình dục; phòng ngừa trẻ em bị bạo lực, bạo hành, xâm hại, mua bán); tổ chức tuyên truyền thông qua 2.130 lượt tin, bài, 6.328 cuộc họp tổ dân phố về phòng, chống xâm hại trẻ em.

f) Tại Sở Tư pháp: Đã xây dựng 420 chuyên mục “pháp luật và đời sống”, “giới thiệu văn bản pháp luật” trên Đài phát thanh và Truyền hình tỉnh, Báo Vĩnh Phúc xuất bản 21 số bản tin tư pháp, trong đó có chuyên đề về phòng, ma túy, chuyên đề về phòng, chống tội phạm, phòng, chống bạo lực, xâm hại trẻ em; phát hành 5.084 cuốn tài liệu chuyên đề về an toàn giao thông và phòng chống tội phạm; cấp 11.708 cuốn tài liệu chuyên đề về phòng, chống tội phạm tại các lớp bồi dưỡng, tập huấn kiến thức pháp luật cho cấp xã; phát 96.600 cuốn tài liệu sinh hoạt chi bộ (2.300 cuốn/tháng) cho chi bộ thuộc Đảng ủy xã, phường, thị trấn về các văn bản pháp luật trong đó có lồng ghép các quy định của pháp luật về phòng, chống bạo lực, xâm hại trẻ em; phát 2.500 cuốn “Hỏi đáp Luật trẻ em” cho các Sở, ban, ngành, đoàn thể ở tỉnh, UBND cấp huyện, cấp xã, các thôn, tổ dân phố trên địa bàn tỉnh.

2.1.2. Tại huyện Bình Xuyên

UBND huyện Bình Xuyên đã chỉ đạo các cơ quan chuyên môn, UBND các xã, thị trấn thực hiện công tác tuyên truyền, phổ biến kiến thức, kỹ năng về thực hiện chính sách, pháp luật về phòng, chống xâm hại trẻ em bằng các hình thức: Thông qua hệ thống đài truyền thanh từ huyện đến cơ sở; tổ chức bằng các hình thức: Hội nghị tập huấn, treo pano, áp phích, băng zôn, khẩu hiệu; phát các tờ rơi, tờ gấp; đăng tải các bài tuyên truyền trên cổng thông tin điện tử của huyện; tổ chức tuyên truyền trực tiếp cho phụ huynh và học sinh thông qua các buổi họp phụ huynh, buổi sinh hoạt lớp, buổi chào cờ.

Nội dung tuyên truyền: Các chủ trương của Đảng, chính sách pháp luật của nhà nước về Luật phòng, chống bạo lực gia đình, Luật bình đẳng giới, Luật hôn nhân và gia đình, Luật trẻ em; phổ biến kiến thức về thực hiện chính sách, pháp luật chăm sóc, giáo dục và bảo vệ trẻ em; phòng, chống bạo lực học đường; tuyên truyền, nâng cao năng lực, giáo dục kiến thức, kỹ năng cho gia

đình, cơ sở giáo dục, cộng đồng và trẻ em về phòng, chống tai nạn, thương tích đối với trẻ em; phổ biến, giáo dục kiến thức về quyền và bổn phận của trẻ em cho học sinh, giáo viên, cán bộ quản lý giáo dục và giáo dục kỹ năng sống cho học sinh; tuyên truyền, phổ biến kiến thức về thực hiện chính sách, pháp luật phòng, chống bạo lực gia đình; hướng dẫn cha, mẹ, người chăm sóc trẻ em kiến thức, kỹ năng chăm sóc sức khỏe, dinh dưỡng, vệ sinh, các kiến thức, kỹ năng về nhận diện tội phạm, nhận biết các nguy cơ dẫn đến xâm hại trẻ em, tự bảo vệ mình, giáo dục giới tính, chăm sóc sức khỏe sinh sản.

2.1.3. Tại 02 xã được thanh tra

UBND xã thực hiện công tác tuyên truyền, phổ biến các chính sách về trẻ em trong đó có phòng, chống xâm hại trẻ em qua hệ thống truyền thanh, phát thanh của xã, thôn.

2.2. Hoạt động đào tạo, bồi dưỡng, tập huấn

- Trong thời kỳ thanh tra, Sở LĐTBXH đã phối hợp với UBND các huyện, thành phố đã tổ chức 12 hội nghị tập huấn nâng cao năng lực cho 2.680 lượt cán bộ làm công tác trẻ em các cấp, cộng tác viên, tổ trưởng dân phố, trưởng thôn.

- UBND huyện Bình Xuyên và 02 xã được thanh tra (Sơn Lôi, Tam Hợp) đã cử cán bộ làm công tác bảo vệ trẻ em của huyện và xã tham gia các lớp tập huấn do tỉnh tổ chức nhưng không tổ chức đào tạo, bồi dưỡng, tập huấn đối với cán bộ, cộng tác viên làm công tác bảo vệ trẻ em.

2.3. Bố trí cán bộ làm công tác bảo vệ trẻ em, mạng lưới cộng tác viên bảo vệ trẻ em

- Số cán bộ làm công tác chăm sóc và bảo vệ trẻ em tại Sở LĐTBXH và các đơn vị trực thuộc là 48 người, gồm: Tại Phòng Bảo trợ xã hội 02 người, Quỹ Bảo trợ trẻ em 18 người, Trung tâm Công tác xã hội 28 người.

- UBND cấp huyện, thành phố đã bố trí 01 Phó Trưởng phòng và 01 công chức thuộc Phòng LĐTBXH kiêm nhiệm công tác chăm sóc và bảo vệ trẻ em.

- Tại UBND cấp xã đã bố trí 01 Phó Chủ tịch UBND và 01 công chức kiêm nhiệm công tác chăm sóc và bảo vệ trẻ em.

2.4. Công tác phối hợp giữa các ban, ngành, đoàn thể

- UBND tỉnh đã thành lập Ban Chủ nhiệm Dự án “Đấu tranh phòng, chống tội phạm xâm hại trẻ em và người chưa thành niên vi phạm pháp luật và phòng, chống bạo lực gia đình, mua bán người” của tỉnh gồm các ban, ngành, đoàn thể trong tỉnh (theo Quyết định số 2062/QĐ-UBND ngày 07/9/2018 của Chủ tịch UBND tỉnh); thành lập và ban hành quy chế hoạt động của Ban điều hành và Nhóm công tác liên ngành bảo vệ, chăm sóc trẻ em của tỉnh Vĩnh Phúc (theo Quyết định số 963/QĐ-UBND ngày 08/4/2019 của Chủ tịch UBND tỉnh).

- Sở LĐTBXH chủ trì, phối hợp với các sở, ban, ngành ban hành 02 kế hoạch phối hợp liên ngành, gồm: Kế hoạch số 124/KH-SLĐTBXH-SGDĐT-

SVHTTDL-CAT ngày 29/10/2019 giữa Sở LĐTBXH, Sở Giáo dục và Đào tạo, Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch, Công an tỉnh về việc phối hợp liên ngành phòng, chống bạo lực, xâm hại trẻ em trên địa bàn tỉnh và Kế hoạch số 125/KH-SLĐTBXH-SYT-TĐTN-HLHPN ngày 29/10/2019 giữa Sở LĐTBXH, Sở Y tế, Đoàn Thanh niên Cộng sản Hồ Chí Minh tỉnh, Hội Liên hiệp phụ nữ tỉnh về việc phối hợp liên ngành phòng, chống bạo lực, xâm hại trẻ em trên địa bàn tỉnh.

- Trên cơ sở các kế hoạch liên ngành của tỉnh, UBND cấp huyện đã ban hành các kế hoạch, văn bản phối hợp giữa các phòng ban chuyên môn cấp huyện triển khai thực hiện, trong đó: 9/9 huyện, thành phố và 137 xã, phường, thị trấn đã thành lập Ban Chỉ đạo và Tổ công tác liên ngành bảo vệ chăm sóc trẻ em cấp huyện, cấp xã.

2.5. Công tác thanh tra, kiểm tra; giải quyết khiếu nại, tố cáo

2.5.1. Công tác thanh tra, kiểm tra theo kế hoạch

a) Tại tỉnh

Trong thời kỳ thanh tra, Sở LĐTBXH đã chủ trì tổ chức 03 cuộc kiểm tra về công tác trẻ em, trong đó có nội dung phòng, chống xâm hại trẻ em (Năm 2019: 02 cuộc; Năm 2020: 01 cuộc), kết quả: Đã phát hiện một số hạn chế trong công tác bảo vệ, chăm sóc trẻ em, Sở LĐTBXH đã kiến nghị đơn vị được kiểm tra và các cơ quan liên quan khắc phục các hạn chế, có những giải pháp, biện pháp cụ thể tăng cường công tác bảo vệ, chăm sóc trẻ em trên địa bàn, trong đó có nội dung phòng, chống xâm hại trẻ em, phòng chống đuối nước trẻ em.

b) Tại huyện Bình Xuyên

Năm 2019, UBND huyện đã chỉ đạo Phòng LĐTBXH tiến hành 01 cuộc kiểm tra công tác chăm sóc trẻ em tại thị trấn Gia Khánh, kết quả: Đã phát hiện một số hạn chế trong công tác bảo vệ, chăm sóc trẻ em; Phòng LĐTBXH đã kiến nghị đơn vị được kiểm tra (UBND thị trấn Gia Khánh) khắc phục những hạn chế, có những giải pháp, tăng cường công tác bảo vệ, chăm sóc trẻ em trên địa bàn thị trấn.

2.5.2. Công tác thanh tra, kiểm tra chuyên đề

UBND tỉnh, huyện Bình Xuyên và 02 xã được thanh tra (Son Lôi, Tam Hợp) chưa tổ chức thanh tra, kiểm tra chuyên đề về phòng, chống xâm hại trẻ em theo quy định tại điểm a khoản 6 Điều 2 Nghị quyết số 121/2020/QH14.

2.5.3. Công tác giải quyết khiếu nại, tố cáo, phản ánh, kiến nghị

Trong thời kỳ thanh tra không phát sinh đơn khiếu nại, tố cáo, phản ánh, kiến nghị về bảo vệ trẻ em, phòng, chống xâm hại trẻ em.

2.6. Việc xây dựng môi trường an toàn, lành mạnh

2.6.1. Môi trường gia đình

UBND tỉnh đã chỉ đạo Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch chủ trì xây dựng và triển khai nhân rộng các mô hình can thiệp, phòng, chống bạo lực gia

đình. Đến thời điểm thanh tra, toàn tỉnh đã xây dựng được 350 mô hình “Câu lạc bộ Gia đình Phát triển bền vững và Nhóm Phòng, chống bạo lực gia đình”, lập thành các nhóm, mỗi nhóm 5 thành viên (gồm: Công an viên, Trưởng thôn, Chi hội Phụ nữ, Hội Cựu chiến binh, Hội Nông dân) thực hiện tuyên truyền, tư vấn, hòa giải và can thiệp kịp thời các vụ bạo lực gia đình.

2.6.2. Môi trường xã hội

a) Tại tỉnh

- UBND tỉnh chỉ đạo các sở, ban ngành, đoàn thể triển khai kế hoạch xây dựng xã, phường, thị trấn đạt tiêu chuẩn phù hợp với trẻ em theo Quyết định số 06/2019/QĐ-TTg của Thủ tướng Chính phủ. Đến thời điểm thanh tra, có 102/136 xã, phường, thị trấn đạt tiêu chuẩn phù hợp với trẻ em (chiếm 75%); 100% xã đạt chuẩn nông thôn mới, có đầy đủ các hạng mục như: sân tập luyện thể thao đơn giản, nhà vệ sinh, cây xanh đường đi, lối lại, trang thiết bị đầy đủ phục vụ vui chơi cho trẻ em và sinh hoạt của nhân dân nhằm xây dựng môi trường sống an toàn, thân thiện với trẻ em.

- Theo chức năng, nhiệm vụ được giao, Công an tỉnh Vĩnh Phúc đã thực hiện một số công việc: Triển khai thực hiện Đề án II về “Đấu tranh, phòng chống tội phạm mua bán người”; kế hoạch phòng ngừa, đấu tranh, ngăn chặn tội phạm xâm hại tình dục trẻ em; kế hoạch thực hiện Chương trình mục tiêu bảo vệ trẻ em của lực lượng cảnh sát hình sự; kế hoạch tuần tra, kiểm soát, xử lý vi phạm quy định bắt buộc đội mũ bảo hiểm cho trẻ em khi tham gia giao thông bằng xe mô tô, xe gắn máy, xe đạp điện; tổ chức thực hiện “Phong trào toàn dân đoàn kết xây dựng đời sống văn hóa khu dân cư” và lồng ghép với các phong trào “Gia đình văn hóa, dòng họ văn hóa, cơ quan, khu phố văn hóa”, “Nói lời hay làm việc tốt”, “Bạn giúp bạn tiến bộ”; củng cố các câu lạc bộ “Gia đình bình đẳng, ấm no hạnh phúc”, “Ông bà, cha mẹ gương mẫu, con cháu thảo hiền”; tập trung xây dựng gia đình “Không tội phạm và tệ nạn xã hội”, “Không có trẻ hư và bỏ học”, “Không có bạo lực gia đình”, xây dựng gia đình “5 không 3 sạch”; phối hợp đồng bộ các biện pháp nghiệp vụ: Tuần tra, kiểm soát, chốt điểm tại các địa bàn, tụ điểm phức tạp; tăng cường quản lý nhân khẩu, quản lý các ngành nghề kinh doanh có điều kiện: nhà nghỉ, vũ trường, quán bar, quán karaoke, cửa hàng internet.

- UBND tỉnh đã chỉ đạo việc quy hoạch lại, tu sửa, nâng cấp nhiều hạng mục của trung tâm hoạt động thanh thiếu nhi tỉnh và các Trung tâm văn hóa, thể thao huyện. Tại thời điểm thanh tra, toàn tỉnh có 7/9 huyện, thành phố có Trung tâm văn hóa, thể thao, có 5/9 huyện, thành phố có nhà văn hóa thiếu nhi; 136/136 xã, phường, thị trấn có khu vui chơi giải trí; 1.237/1237 thôn, tổ dân phố có nhà văn hóa (đạt 100%); 105/136 xã, phường, thị trấn có sân vận động, nhà luyện tập thể dục thể thao; toàn huyện có 59 bể bơi (15 bể bơi được cấp phép, 06 bể bơi lắp ráp thông minh); lắp đặt 19 bộ trang thiết bị vui chơi giải trí cho trẻ em tại 19 nhà văn hóa thôn, tổ dân phố và trung tâm văn hóa xã.

- Tổ chức 42 lớp dạy bơi miễn phí cho 2.520 trẻ em trên địa bàn tỉnh; đầu tư xây dựng, đưa vào sử dụng 06 bể bơi tại các trường học; phối hợp với các cá

nhân lắp đặt 27 bể bơi di động phục vụ công tác dạy bơi cho học sinh ngay trong nhà trường, xây dựng và nhân rộng mô hình điểm về dạy kỹ năng an toàn trong môi trường nước, dạy bơi an toàn.

b) Tại huyện Bình Xuyên

- Mặc dù UBND huyện đã chỉ đạo các xã, thị trấn thực hiện công tác đảm bảo môi trường xã hội an toàn, lành mạnh, phòng chống xâm hại trẻ em, nhưng từ ngày 01/01/2019 đến thời điểm thanh tra trên địa bàn huyện vẫn còn xảy ra 20 vụ xâm hại trẻ em (*Phụ lục số 02 kèm theo*).

- 100% các thôn, tổ dân phố đã có nhà văn hóa, đã bố trí điểm vui chơi giải trí cho trẻ em và 100% các trường học trên địa bàn đã tổ chức bộ phận y tế học đường, kịp thời sơ cấp cứu ban đầu cho trẻ em.

c) Tại 02 xã được thanh tra

Đã bố trí điểm vui chơi, giải trí, hoạt động văn hóa, nghệ thuật, thể dục, thể thao cho trẻ em (xã Tam Hợp có 11 điểm; xã Sơn Lôi có 07 điểm) và trạm y tế thực hiện chăm sóc sức khỏe cho người dân trên địa bàn trong đó có trẻ em.

2.6.3. Môi trường giáo dục

a) Tại tỉnh

- Tổng số cơ sở giáo dục là 509 trường, trong đó: 177 trường mầm non, 145 trường tiểu học, 132 trường trung học cơ sở, 16 trường liên cấp trung học phổ thông và trung học cơ sở, 30 trường trung học phổ thông, 08 Trung tâm Giáo dục nghề nghiệp - Giáo dục thường xuyên.

- UBND tỉnh đã chỉ đạo Sở Giáo dục và Đào tạo xây dựng và triển khai kế hoạch đảm bảo môi trường nhà trường an toàn, lành mạnh, thân thiện, phòng, chống bạo lực học đường trên địa bàn tỉnh; tuyên truyền, giáo dục pháp luật đảm bảo trật tự an ninh trường học, phòng chống tệ nạn xã hội cho học sinh trong các nhà trường; triển khai thực hiện Chương trình hành động về phòng, chống tác hại của trò chơi trực tuyến có nội dung bạo lực và không lành mạnh; giáo dục kiến thức an toàn giao thông cho học sinh ngay từ đầu năm học mới.

b) Tại huyện Bình Xuyên

- Tổng số cơ sở giáo dục là 71 trường, trong đó: 40 trường mầm non, 17 trường tiểu học, 11 trường trung học cơ sở, 03 trường liên cấp tiểu học và trung học cơ sở.

- UBND huyện đã chỉ đạo Phòng giáo dục và Đào tạo xây dựng và triển khai kế hoạch đảm bảo môi trường nhà trường an toàn, lành mạnh, thân thiện, phòng chống bạo lực học đường. Đã bố trí cán bộ làm công tác y tế trường học cho các trường từ cấp tiểu học trở lên. Đã xây dựng và thực hiện các biện pháp phòng, chống tai nạn, thương tích trẻ em (trong thời kỳ thanh tra, trên địa bàn huyện chưa phát hiện tình trạng bạo lực học đường).

3. Việc hỗ trợ, can thiệp đối với trẻ em bị xâm hại, trẻ em có nguy cơ bị xâm hại, trẻ em có hoàn cảnh đặc biệt

3.1. Công tác quản lý, tiếp nhận, xử lý thông tin, xây dựng và thực hiện kế hoạch hỗ trợ, can thiệp đối với trẻ em bị xâm hại, trẻ em có nguy cơ bị xâm hại, trẻ em có hoàn cảnh đặc biệt và trẻ em bị tai nạn thương tích

3.1.1. Trên địa bàn toàn tỉnh

a) Tình hình trẻ em bị xâm hại, trẻ em có hoàn cảnh đặc biệt

Trong thời kỳ thanh tra, trên địa bàn tỉnh Vĩnh Phúc có 81 trẻ em bị xâm hại (trong đó: 08 trẻ em bị bạo lực, 52 trẻ em bị xâm hại tình dục, 02 trẻ em bị mua bán, 14 trẻ em bị bỏ rơi, bỏ mặc, 05 trẻ em bị trộm cắp tài sản) và 3.675 trẻ em có hoàn cảnh đặc biệt.

b) Việc xây dựng và thực hiện kế hoạch hỗ trợ, can thiệp đối với trẻ em bị xâm hại, trẻ em có nguy cơ bị xâm hại, trẻ em có hoàn cảnh đặc biệt và trẻ em bị tai nạn thương tích

- Trong thời kỳ thanh tra, trên địa bàn tỉnh đã xảy ra 61 vụ xâm hại trẻ em với 67 nạn nhân (trong đó: khởi tố 49 vụ; xử phạt hành chính 08 vụ; tạm đình chỉ kiểm tra, xác minh 02 vụ; đang kiểm tra xác minh 02 vụ) và có 14 trẻ em bị bỏ rơi, bỏ mặc (trong đó: 05 trẻ em được chăm sóc nuôi dưỡng tại Trung tâm công tác xã hội, 09 trẻ em được nhận chăm sóc thay thế tại cộng đồng).

- Kết quả xác minh: Kiểm tra ngẫu nhiên hồ sơ thực hiện các biện pháp bảo vệ (hỗ trợ, can thiệp) đối với 02 trẻ em được tiếp nhận vào Trung tâm công tác xã hội chăm sóc, nuôi dưỡng theo diện hỗ trợ can thiệp khẩn cấp (gồm em Trần Tiểu Bảo, sinh ngày 19/5/2021, bị bỏ rơi ngày 27/5/2021 tại thị trấn Vĩnh Tường, huyện Vĩnh Tường, được tiếp nhận vào Trung tâm ngày 09/6/2021; bé sơ sinh chưa đặt tên, sinh ngày 11/8/2021, có mẹ là Lê Thị Nụ là người lang thang tại xã Quang Yên, huyện Sông Lô, cả hai mẹ con được tiếp nhận vào Trung tâm ngày 24/9/2021), hồ sơ của các em không thể hiện việc UBND cấp xã thực hiện quy trình bảo vệ (hỗ trợ, can thiệp) đối với trẻ em bị xâm hại, trẻ em có hoàn cảnh đặc biệt theo quy định tại Chương IV Luật trẻ em và Mục 3 Nghị định số 56/2017/NĐ-CP ngày 09/5/2017 ngày 09/5/2017 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Trẻ em (sau đây gọi là Nghị định số 56/2017/NĐ-CP).

3.1.2. Trên địa bàn huyện Bình Xuyên và 02 xã được thanh tra

a) Tình hình trẻ em bị xâm hại, trẻ em có nguy cơ bị xâm hại, trẻ em có hoàn cảnh đặc biệt

- Tổng số trẻ em bị xâm hại, trẻ em bị tai nạn thương tích và trẻ em có hoàn cảnh đặc biệt là 20 trẻ em, trong đó: 12 trẻ em bị xâm hại tình dục, 01 trẻ em bị mua bán, 01 trẻ em bị bạo lực gia đình, 01 trẻ em mồ côi cả bố và mẹ, 02 trẻ em bị đuối nước, 02 trẻ em bị tai nạn giao thông, 01 trẻ em bị nhiễm HIV.

- Kết quả xác minh tại 02 xã Sơn Lô và Tam Hợp:

+ UBND xã chưa phân loại và lập hồ sơ quản lý đối với trẻ em có nguy cơ bị xâm hại, trong đó: Xã Tam Hợp, có 03 anh em (Ngô Thị Ngọc Ánh, học sinh

lớp 2, Ngô Bảo Trâm, học sinh lớp 4, Ngô Thanh Tùng, học sinh lớp 6) mẹ chết, thuộc gia đình hộ nghèo, cha của các em đang nghiện ma túy; xã Sơn Lôi, có 10 trẻ em đã bỏ học khi chưa hoàn thành phổ cập giáo dục trung học cơ sở, gồm: 05 học sinh lớp 6 (Nguyễn Đức Tuấn, Nguyễn Duy Khánh, Nguyễn Quang Vinh, Nguyễn Thị Mai Linh, Lê Hồng Thái) và 05 học sinh lớp 8 (Trần Văn Giang, Nguyễn Thị Hồng, Dương Văn Hòa, Lê Văn Hiền, Nguyễn Tiến Thắng).

+ Xác minh tại 07 cơ sở sản xuất, kinh doanh trên địa bàn 02 xã Sơn Lôi và xã Tam Hợp, cả 07 cơ sở không sử dụng lao động chưa thành niên, gồm: Nhà hàng Hời Béo (kinh doanh trong lĩnh vực ăn uống, bia hơi), địa chỉ: Lương Câu, Sơn Lôi, Bình Xuyên, Vĩnh Phúc, chủ nhà hàng là ông Nguyễn Huy Hời, sử dụng 05 lao động trên 18 tuổi; Nhà hàng Nông thôn (kinh doanh trong lĩnh vực ăn uống, Karaoke, phòng nghỉ), địa chỉ: Lương Câu, Sơn Lôi, Bình Xuyên, Vĩnh Phúc, chủ nhà hàng là bà Bùi Thị Loan, sử dụng 16 lao động trên 18 tuổi; Cơ sở Spa Phương Thu (hoạt động trong lĩnh vực: cắt tóc, gội đầu, phun xăm), do bà Cù Thị Thu là chủ hộ, trực tiếp làm việc, không thuê lao động; Công ty TNHH Long Đạt Phát (sản xuất bê tông), địa chỉ: Nội Phạt, Tam Hợp, Bình Xuyên, Vĩnh Phúc, Giám đốc là ông Trần Quốc Phi, sử dụng 43 lao động trên 18 tuổi; Công ty TNHH Anh Long (kinh doanh xăng dầu), địa chỉ: Xuôi Ngành, Tam Hợp, Bình Xuyên, Vĩnh Phúc, Giám đốc là ông Nguyễn Mạnh Hùng, sử dụng 02 lao động trên 20 tuổi; Nhà hàng ăn uống Cửu Long Gà, địa chỉ: Chợ Nội, Tam Hợp, Bình Xuyên, Vĩnh Phúc, sử dụng 10 lao động trên 18 tuổi; Cửa hàng tạp hóa Nguyên Trường, địa chỉ: Chợ Nội, Tam Hợp, Bình Xuyên, Vĩnh Phúc không sử dụng lao động (hai vợ chồng cùng bán hàng).

b) Việc hỗ trợ, can thiệp đối với trẻ em bị xâm hại, trẻ em có nguy cơ bị xâm hại

Trong tổng số 20 trẻ em bị xâm hại, trẻ em bị tai nạn thương tích và trẻ em có hoàn cảnh đặc biệt, các cơ quan có thẩm quyền ở địa phương đã hỗ trợ, can thiệp như sau:

- Cơ quan tố tụng hình sự đã khởi tố 13 vụ, truy tố 15 đối tượng vi phạm đối với 12 trẻ em bị xâm hại tình dục, 01 trẻ em bị mua bán.

- Trung tâm hỗ trợ tư pháp tỉnh Vĩnh Phúc đã hỗ trợ pháp lý cho 12 trẻ em bị xâm hại tình dục, 01 trẻ em bị mua bán.

- UBND huyện đã hỗ trợ làm các thủ tục đưa 01 trẻ em mồ côi cả cha và mẹ vào Trung tâm Công tác xã hội tỉnh Vĩnh Phúc chăm sóc, nuôi dưỡng.

- UBND huyện đã hỗ trợ cho thân nhân của 04 trẻ em chết do tai nạn (03 em chết do đuối nước, 01 em chết do tai nạn giao thông) với tổng số tiền là 20.500.000 đồng.

- UBND huyện và UBND xã đã hỗ trợ 01 trẻ em bị nhiễm HIV điều trị và theo dõi sức khỏe tại Trung tâm y tế huyện.

- Đối với 16 trẻ em bị xâm hại, trẻ em có hoàn cảnh đặc biệt (gồm 12 trẻ em bị xâm hại tình dục, 01 trẻ em bị mua bán, 01 trẻ bị bạo lực gia đình, 01 trẻ mồ côi cả cha và mẹ, 01 trẻ em bị nhiễm HIV), địa phương không có hồ sơ thể

hiện việc UBND xã thực hiện quy trình bảo vệ (hỗ trợ, can thiệp) đối với trẻ em bị xâm hại, trẻ em có hoàn cảnh đặc biệt theo quy định tại Chương IV Luật trẻ em và Mục 3 Nghị định số 56/2017/NĐ-CP.

3.2. Việc thực hiện các chính sách hỗ trợ

3.2.1. Chính sách chăm sóc sức khỏe

- Tỉnh Vĩnh Phúc chưa tổng hợp số liệu về tư vấn, hỗ trợ trẻ em chăm sóc sức khỏe sinh sản; về tư vấn, bảo vệ, chăm sóc sức khỏe cho trẻ em bị xâm hại và về chi trả hoặc hỗ trợ chi trả chi phí khám bệnh, chữa bệnh, chi phí giám định sức khỏe cho trẻ em bị xâm hại, trẻ em có nguy cơ bị xâm hại.

- Việc đóng và hỗ trợ đóng bảo hiểm y tế cho trẻ em: Địa phương đã thực hiện theo quy định tại Nghị định số 146/2018/NĐ-CP ngày 7/10/2018 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn biện pháp thi hành một số điều của Luật Bảo hiểm y tế. Ngoài ra, tỉnh Vĩnh Phúc còn hỗ trợ thêm 20% (tổng mức hỗ trợ 50%) kinh phí mua thẻ bảo hiểm y tế cho học sinh (thực hiện theo Nghị quyết số 17/2020/NQ-HĐND của HĐND tỉnh). Trong thời kỳ thanh tra, tỉnh đã hỗ trợ mua thẻ bảo hiểm y tế cho 571.490 lượt trẻ em với tổng số tiền là 383.237.000.000 đồng.

- Tại huyện Bình Xuyên: Trung tâm y tế huyện đã phối hợp với nhà trường thực hiện tư vấn các nội dung về chăm sóc sức khỏe cho trẻ em theo độ tuổi. Trong thời kỳ thanh tra, địa phương đã hỗ trợ mua thẻ bảo hiểm y tế cho 16.420 trẻ/năm, số tiền hỗ trợ 13.000.000.000 đồng/năm.

- Tại 02 xã được thanh tra: Trạm Y tế xã đã phối hợp với các trường trên địa bàn tổ chức khám định kỳ 1 năm/lần cho trẻ em; đã tổ chức tiêm phòng, khám sàng lọc, uống vitamin A và tham gia bảo hiểm y tế cho trẻ dưới 06 tuổi.

3.2.2. Chính sách trợ giúp xã hội

a) Trên địa bàn toàn tỉnh

- Tỉnh Vĩnh Phúc đã áp dụng mức chuẩn trợ giúp xã hội cao hơn mức chuẩn do Chính phủ quy định (Nghị quyết số 10/2021/NQ-HĐND của HĐND tỉnh và Quyết định số 3623/2011/QĐ-UB của UBND tỉnh áp dụng mức chuẩn bằng 30% mức lương cơ sở tương đương 447.000 đồng). Trong thời kỳ thanh tra, tỉnh đã trợ cấp thường xuyên và trợ cấp khẩn cấp liên quan đến 4.611 lượt trẻ em bị xâm hại, trẻ em có hoàn cảnh đặc biệt với tổng số tiền là 41.733.000.000 đồng, trong đó: Trợ cấp thường xuyên 4.470 lượt em, số tiền 40.626.000.000 đồng; trợ cấp khẩn cấp 21 em, số tiền 210.000.000 đồng; trợ cấp cho 120 cá nhân, gia đình nhận chăm sóc trẻ em, số tiền 896.803.000 đồng.

b) Trên địa bàn huyện Bình Xuyên

- Trong thời kỳ thanh tra, huyện đã trợ cấp thường xuyên cho 419 lượt trẻ em bị xâm hại, trẻ em có hoàn cảnh đặc biệt với tổng số tiền là 4.598.664.000 đồng, trong đó: Năm 2019 là 142 trẻ em, số tiền 1.599.741.000 đồng; năm 2020 là 139 trẻ em, số tiền 1.613.670.000 đồng; năm 2021 là 138 trẻ em, số tiền 1.385.253.000 đồng.

- Kết quả xác minh: Địa phương đã thực hiện xét duyệt trợ giúp xã hội đối với đối tượng là trẻ em theo quy định. Tuy nhiên, có trường hợp thuộc xã Sơn Lôi, mồ côi cả cha lẫn mẹ (em Nguyễn Văn Thành Công, sinh năm 2017, đang ở với ông Nguyễn Văn Diện sinh năm 1947, đang hưởng chế độ hàng tháng đối với trẻ em mất nguồn nuôi dưỡng), UBND xã chưa thực hiện quy trình hỗ trợ, can thiệp đối với trẻ em có hoàn cảnh đặc biệt theo quy định tại Chương IV Luật trẻ em và Mục 3 Nghị định số 56/2017/NĐ-CP.

- Kiểm tra xác suất hồ sơ hưởng trợ cấp xã hội hàng tháng đối với trẻ em có hoàn cảnh đặc biệt, phát hiện 07 trường hợp có thời điểm hưởng trợ cấp hàng tháng chưa đúng quy định tại điểm đ, khoản 1 Điều 8 Nghị định số 136/2013/NĐ-CP ngày 21/10/2013 của Chính phủ quy định chính sách trợ giúp xã hội đối với đối tượng bảo trợ xã hội và tại điểm đ, khoản 1 Điều 8 Nghị định số 20/2021/NĐ-CP ngày 15/3/2021 của Chính phủ, dẫn tới đối tượng chưa được nhận đầy đủ trợ cấp, với số tiền là 6.257.000 đồng.

(Chi tiết tại Phụ lục số 03 kèm theo).

- Trước thời điểm thanh tra, UBND xã Đạo Đức (nay là thị trấn Đạo Đức) đã tổ chức họp Hội đồng xác định mức độ khuyết tật và cấp giấy xác định mức độ khuyết tật mức độ nặng cho 06 trẻ em (gồm: Nguyễn Gia Huy, sinh năm 2011, Giấy xác nhận khuyết tật cấp ngày 18/10/2017; Đỗ Châu Lộc, sinh năm 2009, Giấy xác nhận khuyết tật cấp ngày 10/04/2016; Nguyễn Lý Nhật Anh, sinh năm 2010, Giấy xác nhận khuyết tật cấp ngày 10/04/2016; Nguyễn Văn Thanh, sinh năm 2010, Giấy xác nhận khuyết tật cấp ngày 10/04/2016; Đỗ Thành Đạt, sinh năm 2011, Giấy xác nhận khuyết tật cấp ngày 10/04/2016; Nguyễn Huy Mạn, sinh năm 2008, Giấy xác nhận khuyết tật cấp ngày 10/04/2016). Tuy nhiên, tại thời điểm thanh tra, UBND xã chưa có văn bản đề nghị Phòng LĐTBXH thẩm định trình Chủ tịch UBND huyện Bình Xuyên quyết định cho hưởng trợ cấp thường xuyên theo quy định.

3.2.3. Chính sách trợ giúp pháp lý, hỗ trợ tư vấn, trị liệu tâm lý

- Trên địa bàn toàn tỉnh, có 57 trẻ em bị xâm hại được hỗ trợ pháp lý; 64 trẻ em có nguy cơ bị xâm hại được Trung tâm trợ giúp pháp lý của tỉnh hỗ trợ pháp lý nhưng chưa được đưa vào hỗ trợ can thiệp đối với trẻ có nguy cơ bị xâm hại; 28 trẻ em có nguy cơ bị xâm hại được Trung tâm công tác xã hội tỉnh tư vấn tâm lý. Tuy nhiên, tỉnh Vĩnh Phúc chưa thống kê số trẻ em bị xâm hại được tư vấn, trị liệu tâm lý.

- Trên địa bàn huyện Bình Xuyên, có 13 trẻ em bị xâm hại được hỗ trợ pháp lý. Tuy nhiên, huyện chưa tư vấn, trị liệu tâm lý cho trẻ em bị xâm hại.

3.2.4. Chính sách hỗ trợ giáo dục, đào tạo và giáo dục nghề nghiệp

- HĐND tỉnh đã ban hành các nghị quyết về hỗ trợ giáo dục trên địa bàn tỉnh: Nghị quyết số 42/2018/NQ-HĐND ngày 18/12/2018 về một số chính sách hỗ trợ hoạt động giáo dục nghề nghiệp và giải quyết việc làm trên địa bàn tỉnh giai đoạn 2016-2020 và Nghị quyết số 15/2020/NQ-HĐND về chính sách hỗ trợ giáo dục trên địa bàn tỉnh giai đoạn 2021-2025, Nghị quyết số 24/2016/NQ-HĐND và Nghị quyết số 46/2018/NQ-HĐND và bổ sung đối tượng được ngân

sách tỉnh hỗ trợ 100% học phí là trẻ em mẫu giáo tại các trường mầm non công lập ở vùng nông thôn, vùng miền núi; trẻ em học mẫu giáo là con nông dân ở các phường, thị trấn không phải thị trấn miền núi học tại các trường mầm non công lập thuộc tỉnh. Theo đó, các đối tượng thu hưởng được hỗ trợ học phí cao hơn mức miễn giảm học phí và hỗ trợ chi phí học tập theo quy định tại Nghị định số 86/2015/NĐ-CP ngày 02/10/2015 của Chính phủ. Ngoài ra, học sinh tốt nghiệp trung học cơ sở học tiếp lên chương trình giáo dục thường xuyên và trung cấp được hỗ trợ thêm chi phí học tập 100.000 đồng/tháng/học sinh. Tuy nhiên, UBND tỉnh chưa ban hành quy định mức trợ cấp đối với trẻ em mầm non là con công nhân, người lao động làm việc tại khu công nghiệp theo quy định tại Điều 8 Nghị định số 105/2020/NĐ-CP ngày 08/9/2020 của Chính phủ quy định chính sách phát triển giáo dục mầm non.

- Tại thời điểm thanh tra, Phòng Giáo dục và Đào tạo huyện Bình Xuyên chưa cấp kinh phí để thực hiện việc miễn giảm học phí, hỗ trợ chi phí học tập, tiền ăn trưa cho trẻ em thuộc đối tượng được hỗ trợ cho học kỳ II năm học 2020-2021 (năm học đã kết thúc vào tháng 5/2021) với tổng số tiền là 2.539.488.000 đồng. Xác minh 06 trường hợp thuộc hộ nghèo tại xã Sơn Lôi (gồm các em: Nguyễn Thị Việt Hoa, Vũ Huyền Trang, Vũ Thành Vinh, Đặng Quốc Anh, Đặng Quốc Khánh, Nguyễn Thị Thanh Huyền), gia đình các em xác nhận đã được hỗ trợ học phí và chi phí học tập đầy đủ; đối chiếu Quyết định phê duyệt danh sách hộ nghèo, hộ cận nghèo trên địa bàn xã, các hộ nêu trên đều có tên trong danh sách. Xác Minh 04 trường hợp thuộc hộ nghèo tại xã Tam Hợp (gồm các em: Ngô Thị Ngọc Ánh, Ngô Bảo Trâm, Ngô Thanh Tùng, Đinh Thị Ngọc Anh), gia đình các em xác nhận đã được hỗ trợ học phí và chi phí học tập đầy đủ (*Phụ lục số 04a, Phụ lục 04b kèm theo*).

3.3. Kinh phí đảm bảo công tác bảo vệ trẻ em

3.3.1. Việc bố trí, quản lý, sử dụng kinh phí

(Chi tiết tại phụ lục số 05 kèm theo).

3.3.2. Việc tổ chức và quản lý Quỹ bảo trợ trẻ em tỉnh Vĩnh Phúc

- Quỹ Bảo trợ trẻ em tỉnh Vĩnh Phúc (sau đây gọi là Quỹ) là đơn vị sự nghiệp thuộc Sở LĐTBXH Vĩnh Phúc. Kinh phí đảm bảo thông qua hoạt động với mục đích vận động sự đóng góp tự nguyện của các cơ quan, tổ chức, đơn vị, cá nhân ở trong nước và nước ngoài, viện trợ quốc tế về tiền, cơ sở vật chất, tài sản và hỗ trợ ngân sách nhà nước nhằm phục vụ cho sự nghiệp bảo vệ, chăm sóc và giáo dục trẻ em trên địa bàn tỉnh Vĩnh Phúc.

(Chi tiết tại phụ lục số 05 kèm theo).

- Quỹ đã thực hiện báo cáo tài chính, lập sổ chi tiết, sổ kế toán tổng hợp, các chỉ tiêu ghi sổ theo quy định, nội dung chi đảm bảo theo quy định tại Thông tư số 87/2008/TT-BTC ngày 08/10/2008 của Bộ trưởng Bộ tài chính hướng dẫn quản lý và sử dụng Quỹ bảo trợ trẻ em. Trong thời kỳ thanh tra, Quỹ đã thực hiện Chương trình hỗ trợ khám sàng lọc và hỗ trợ kinh phí phẫu thuật tim bẩm sinh cho trẻ em tỉnh, cụ thể:

+ Năm 2019: Tổ chức 03 đợt khám sàng lọc tim bẩm sinh cho 24.000 trẻ em lứa tuổi từ sơ sinh đến trẻ em bậc học mầm non, tiểu học tại huyện Vĩnh Tường, thành phố Vĩnh Yên và thành phố Phúc Yên; khám chỉ định chuyên sâu cho 414 trẻ em; hỗ trợ kinh phí phẫu thuật 58 ca tại Bệnh viện tim và Bệnh viện E Hà Nội (trong đó có 03 trẻ em thuộc địa bàn huyện Bình Xuyên được hỗ trợ phẫu thuật, phát hiện qua khám sàng lọc và phát hiện ngoài cộng đồng).

+ Năm 2020: Tổ chức 02 đợt khám sàng lọc tim bẩm sinh cho 25.000 trẻ em lứa tuổi từ sơ sinh đến trẻ em bậc học mầm non, tiểu học tại các huyện Yên Lạc, Vĩnh Tường, Tam Đảo và Bình Xuyên; khám chỉ định chuyên sâu cho 470 trẻ em; hỗ trợ kinh phí phẫu thuật 94 em.

+ Năm 2021: Tổ chức 02 đợt khám sàng lọc tim bẩm sinh cho 25.000 trẻ em thuộc các huyện Lập Thạch, Sông Lô, Tam Dương; khám chỉ định chuyên sâu cho 465 trẻ em; hỗ trợ kinh phí phẫu thuật 39 ca.

- Kết quả xác minh đối với một số hoạt động của Quỹ tại huyện Bình Xuyên:

+ Phối hợp với UBND huyện Bình Xuyên trao tặng xe đạp đến trường cho trẻ em có hoàn cảnh khó khăn, trẻ em hộ thuộc nghèo, hộ cận nghèo, trẻ em gia đình chính sách (Năm 2019: 56 xe, trong đó: 12 xe do Quỹ Bảo trợ trẻ em tỉnh Vĩnh Phúc và 44 xe của huyện; năm 2020: 53 xe, trong đó: 13 xe do Quỹ Bảo trợ trẻ em tỉnh Vĩnh Phúc và 40 xe của huyện; năm 2021: 13 xe của Quỹ Bảo trợ trẻ em tỉnh Vĩnh Phúc). Xác minh 03 trường hợp ở xã Tam Hợp (Ngô Thị Ngọc Ánh, thuộc hộ nghèo; Vũ Hồng Mai Linh, thuộc hộ cận nghèo; Nguyễn Anh Trường, bố chết, gia đình khó khăn), các gia đình xác nhận đã được tặng xe đạp.

+ Thực hiện Chương trình hỗ trợ khám sàng lọc và hỗ trợ kinh phí phẫu thuật tim bẩm sinh cho trẻ em tỉnh Vĩnh Phúc: Năm 2020, Quỹ Bảo trợ trẻ em tỉnh Vĩnh Phúc đã phối hợp với các bệnh viện (Bệnh viện E Hà Nội, Bệnh viện Tim Hà Nội, Bệnh viện Nhi trung ương) tổ chức khám sàng lọc tim bẩm sinh cho 7.436 trẻ em thuộc huyện Bình Xuyên. Qua xác minh trực tiếp tại xã Sơn Lôi, chương trình đã tổ chức khám cho 2.479 trẻ em tại 05 địa điểm là: Trường mầm non xã Sơn Lôi (cơ sở A và cơ sở B), Trường Tiểu học xã Sơn Lôi (cơ sở A và cơ sở B), Trạm Y tế xã Sơn Lôi. Tại điểm khám Trạm Y tế xã Sơn Lôi (đối với trẻ em từ 0-3 tuổi và chưa đi học), có 26 trẻ em có nghi vấn mắc bệnh tim mạch, có chỉ định khám chuyên khoa (siêu âm tim) khi đến khám đều được hỗ trợ một phần tiền đi lại và được tặng quà của Quỹ và nhà tài trợ (quà gồm: 50.000đ/trẻ em, 01 hộp bánh ngọt và 01 lốc sữa). Có 03 em đã được hỗ trợ kinh phí phẫu thuật tim bẩm sinh là Nguyễn Quỳnh Như, sinh năm 2019, ở thôn Bá Cầu, xã Sơn Lôi (hỗ trợ 70% kinh phí phẫu thuật sau khi trừ phần kinh phí BHYT chi trả = 7.196.524 đồng); Nguyễn Thị Xuân Nguyên sinh năm 2013, ở thôn Lương Cầu, xã Sơn Lôi (hỗ trợ 70% kinh phí phẫu thuật sau khi trừ phần kinh phí BHYT chi trả = 29.249.082 đồng); Đặng Anh Tú, sinh năm 2020, ở thôn Bá Cầu, xã Sơn Lôi (hỗ trợ 70% kinh phí phẫu thuật sau khi trừ phần kinh phí BHYT chi trả = 21.398.751 đồng).

4. Kết quả thực hiện chính sách, pháp luật về bảo vệ và phòng, chống xâm hại trẻ em tại Trung tâm công tác xã hội tỉnh Vĩnh Phúc

4.1. Việc thành lập và đăng ký hoạt động

Trung tâm công tác xã hội tỉnh Vĩnh Phúc (sau đây gọi là Trung tâm) là đơn vị sự nghiệp có thu trực thuộc Sở LĐTBXH được thành lập theo Quyết định số 02/2018/QĐ-UBND ngày 08/01/2018 của UBND tỉnh Vĩnh Phúc trên cơ sở tổ chức lại Trung tâm Bảo trợ xã hội và Trung tâm Công tác xã hội.

Giấy phép hoạt động số 2248/GP-SLĐTBXH, ngày 28/10/2021 của Giám đốc Sở LĐTBXH tỉnh Vĩnh Phúc.

4.2. Chức năng, nhiệm vụ

Chức năng, nhiệm vụ của Trung tâm được quy định tại Quyết định số 1189/QĐ-SLĐTBXH ngày 16/3/018 của Giám đốc Sở LĐTBXH tỉnh Vĩnh Phúc, cụ thể: cung cấp, tổ chức các dịch vụ công tác xã hội; thực hiện việc tiếp nhận, quản lý, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục, dạy nghề, tổ chức lao động sản xuất, phục hồi chức năng cho đối tượng bảo trợ xã hội, đối tượng cần bảo vệ khẩn cấp theo quy định pháp luật hiện hành của Nhà nước và của UBND tỉnh.

4.3. Môi trường, vị trí và cơ sở vật chất

4.3.1. Về môi trường, vị trí

Trung tâm có trụ sở tại tổ dân phố Bắc Sơn, phường Đồng Tâm, thành phố Vĩnh Yên, tỉnh Vĩnh Phúc, tiếp giáp với xã Thanh Vân, huyện Tam Dương. Trung tâm có vị trí thuận lợi gần đường quốc lộ, gần với Trung tâm y tế thành phố Vĩnh Yên, Trường Cao đẳng kinh tế kỹ thuật Vĩnh Phúc và trường tiểu học, trường trung học cơ sở xã Thanh Vân, huyện Tam Dương; có đường điện, nước sạch đi qua. Trung tâm có hệ thống cây xanh, môi trường sạch sẽ, trong lành.

4.3.2. Về cơ sở vật chất (Trung tâm hiện tại đang quản lý 02 cơ sở)

a) Cơ sở 1

Tại Tổ dân phố Bắc Sơn, phường Đồng Tâm, thành phố Vĩnh Yên, tỉnh Vĩnh Phúc, tổng diện tích xây dựng là 25.587 m², bao gồm:

- 02 khu nhà ở của đối tượng, tổng diện tích là 2.460 m² (bao gồm 42 phòng ở), diện tích mỗi phòng ở 18 m², có thể bố trí từ 2 đến 3 đối tượng/1 phòng.

- Nhà điều hành, diện tích 235 m²; hội trường, diện tích 300 m²; nhà Y tế - Phục hồi chức năng, diện tích 332 m²; nhà học nghề, diện tích 160 m²; nhà ăn đối tượng, diện tích 333 m²; nhà bảo mẫu, diện tích 160 m²; bếp nấu ăn, diện tích 150 m²; nhà suy giảm, diện tích 84 m².

- Khu tăng gia, lao động sản xuất; đường đi nội bộ, hệ thống điện, hệ thống cấp, thoát nước, khu vui chơi giải trí.

b) Cơ sở 2

Tại tổ dân phố Bắc Sơn, phường Đồng Tâm, tỉnh Vĩnh Yên, cách cơ sở 1 khoảng 200 m, có tổng diện tích đất được giao 1.856 m², gồm 02 dãy nhà:

- Nhà số 1: Trụ sở làm việc, diện tích xây dựng 258 m².

- Nhà số 2: Nhà tạm lánh và điều trị rối nhiễu tâm trí diện tích xây dựng 300 m².

Cơ sở vật chất hiện có đủ đáp ứng yêu cầu chăm sóc đối tượng tại Trung tâm theo quy định tại Điều 24 Nghị định số 103/2017/NĐ-CP ngày 12/9/2017 của Chính phủ quy định về thành lập, tổ chức, hoạt động, giải thể và quản lý các cơ sở trợ giúp xã hội (sau đây gọi tắt là Nghị định 103/2017/NĐ-CP).

4.4. Đội ngũ cán bộ, nhân viên

Tổng số cán bộ, nhân viên là 28 người (nam 09, nữ 19) gồm: 20 viên chức, 03 hợp đồng công việc theo Nghị định số 68/2000/NĐ-CP và 05 hợp đồng lao động.

a) Tổ chức bộ máy: Ban Giám đốc có 03 người (Phó Giám đốc phụ trách, 02 Phó Giám đốc) và 05 phòng chuyên môn nghiệp vụ, gồm: Phòng Tổ chức - Hành chính: 06 người (01 Trưởng phòng, 01 Phó trưởng phòng, 04 nhân viên); Phòng Tư vấn, trợ giúp và Quản lý đối tượng: 06 người (01 Trưởng phòng, 01 Phó trưởng phòng, 04 nhân viên); Phòng Dinh dưỡng: 03 người (01 Trưởng phòng, 02 nhân viên); Phòng Y tế - Phục hồi chức năng: 03 người (01 Phó trưởng phòng phụ trách phòng, 02 nhân viên); Phòng Giáo dục, đào tạo và phát triển cộng đồng: 07 người (01 Phó trưởng phòng phụ trách phòng, 06 nhân viên).

Về trình độ, chuyên môn của cán bộ: Trên đại học 01 người, đại học 20 người, cao đẳng 02 người, trung cấp 02 người, chưa qua đào tạo: 03 người. Trong năm 2020, Trung tâm tổ chức 01 lớp đào tạo, bồi dưỡng cho cán bộ, nhân viên. Cử cán bộ tham gia các lớp tập huấn nghiệp vụ do Sở LĐTBXH tỉnh Vĩnh Phúc tổ chức.

b) Về chế độ tiền lương, tiền công, phụ cấp cho cán bộ, nhân viên:

- Đối với viên chức: Đã thực hiện tiền lương, các khoản phụ cấp đối với viên chức theo quy định.

- Đối với 03 hợp đồng theo Nghị định số 68/2000/NĐ-CP: Trung tâm đang áp dụng bảng lương quy định tại Nghị định số 204/2004/NĐ-CP, chưa chuyển sang thực hiện ký hợp đồng lao động theo quy định tại Thông tư số 03/2019/TT-BNV ngày 14/05/2019 của Bộ trưởng Bộ Nội vụ sửa đổi quy định về tuyển dụng công chức, viên chức, nâng ngạch công chức, thăng hạng chức danh nghề nghiệp viên chức và thực hiện chế độ hợp đồng một số loại công việc trong cơ quan hành chính nhà nước, đơn vị sự nghiệp công lập (sau đây viết tắt là Thông tư số 03/2019/TT-BNV).

- Đối với 05 lao động hợp đồng: Trung tâm trả lương cho 04 lao động hợp đồng thấp hơn mức lương tối thiểu vùng, cụ thể: Bà Lại Thị Thu Trang, mức lương 2,34 x 1.490.000 đồng = 3.486.600 đồng; bà Nguyễn Thị Tâm, mức lương 2,34 x 1.490.000 đồng = 3.486.600 đồng; bà Nguyễn Thị Tân, mức lương 2,34 x 1.490.000 đồng = 3.486.600 đồng; ông Nguyễn Thanh Tuyền, mức lương

3.000.000 đồng (tại thời điểm thanh tra, mức lương tối thiểu vùng tại thành phố Vĩnh Yên là 3.920.000 đồng/tháng).

c) Về tình hình nuôi dưỡng đối tượng tại Trung tâm: tại thời điểm thanh tra, Trung tâm đang nuôi dưỡng 76 đối tượng, trong đó: 29 người cao tuổi, 29 người khuyết tật (18 người khuyết tật đặc biệt nặng, 11 người khuyết tật nặng), 07 người lang thang, 11 trẻ em (02 em khuyết tật đặc biệt nặng).

Như vậy, định mức cán bộ nhân viên tại Trung tâm chưa đảm bảo theo quy định tại Thông tư số 33/2017/TT-BLĐTBXH ngày 29/12/2017 của Bộ trưởng Bộ LĐTBXH hướng dẫn về cơ cấu tổ chức, định mức nhân viên và quy trình, tiêu chuẩn trợ giúp xã hội tại cơ sở trợ giúp xã hội (sau đây viết tắt là Thông tư số 33/2017/TT-BLĐTBXH), cụ thể:

- Thiếu 01 nhân viên tâm lý: Định mức theo quy định tại khoản 6 Điều 5 Thông tư số 33/2017/TT-BLĐTBXH là mỗi cơ sở có ít nhất 01 nhân viên tâm lý.

- Thiếu 06 nhân viên chăm sóc đối tượng (tại thời điểm thanh tra, Trung tâm hiện có 06 nhân viên thực hiện chăm sóc 76 đối tượng), cụ thể:

+ Đối với 02 trẻ dưới 18 tháng, 07 trẻ từ 18 tháng tuổi đến dưới 16 tuổi, trẻ nhiễm HIV/AIDS, 02 trẻ em khuyết tật đặc biệt nặng (định mức theo điểm a khoản 7 Điều 5 Thông tư số 33/2017/TT-BLĐTBXH là 01 nhân viên chăm sóc phụ trách 01 trẻ em dưới 18 tháng tuổi, tối đa 06 trẻ em bình thường từ 18 tháng tuổi đến dưới 6 tuổi hoặc tối đa 10 trẻ em bình thường từ 6 tuổi đến dưới 16 tuổi; chăm sóc tối đa 04 trẻ em khuyết tật hoặc tâm thần hoặc nhiễm HIV/AIDS từ 18 tháng tuổi đến dưới 6 tuổi; chăm sóc tối đa 05 trẻ em khuyết tật hoặc tâm thần hoặc nhiễm HIV/AIDS từ 6 tuổi đến dưới 16 tuổi cần 02 nhân viên).

+ Đối với 20 người khuyết tật đặc biệt nặng không tự phục vụ được, 09 đối tượng khuyết tật còn tự phục vụ được (định mức theo điểm b khoản 7 Điều 5 Thông tư số 33/2017/TT-BLĐTBXH là 01 nhân viên chăm sóc phụ trách tối đa 10 người khuyết tật còn tự phục vụ được hoặc tối đa 04 người khuyết tật không tự phục vụ được cần 06 nhân viên).

+ Đối với 30 người cao tuổi (định mức theo điểm c khoản 7 Điều 5 Thông tư số 33/2017/TT-BLĐTBXH) là 01 nhân viên chăm sóc phụ trách tối đa 10 người cao tuổi còn tự phục vụ được hoặc tối đa 04 người cao tuổi không tự phục vụ được, cần 03 nhân viên).

+ Đối với 06 người lang thang định mức theo điểm đ khoản 7 Điều 5 Thông tư số 33/2017/TT-BLĐTBXH) là 01 nhân viên chăm sóc phụ trách tối đa 12 người lang thang (định mức này sử dụng cho các đợt tiếp nhận người lang thang vào cơ sở để đánh giá, đưa về địa phương, cần 01 nhân viên)

- Thiếu 01 nhân viên y tế: Tại thời điểm thanh tra, Trung tâm có 01 nhân viên y tế chăm sóc sức khỏe cho 76 đối tượng (định mức theo quy định tại khoản 8 Điều 5 Thông tư số 33/2017/TT-BLĐTBXH là 01 nhân viên y tế phụ trách chăm sóc sức khỏe cho tối đa 50 đối tượng).

- Thiếu 01 nhân viên phụ trách dinh dưỡng: Tại thời điểm thanh tra, Trung tâm có 03 nhân viên dinh dưỡng/76 đối tượng (định mức theo quy định tại khoản 9 Điều 5 Thông tư số 33/2017/TT-BLĐT BXH là 01 nhân viên phục vụ tối đa 20 đối tượng).

- Thiếu 05 nhân viên phục hồi chức năng: Tại thời điểm thanh tra, Trung tâm có 01 nhân viên/31 đối tượng (định mức theo quy định tại khoản 10 Điều 5 Thông tư số 33/2017/TT-BLĐT BXH là 01 nhân viên hướng dẫn phục hồi chức năng cho tối đa 05 đối tượng).

4.5. Các hoạt động cung cấp dịch vụ bảo vệ trẻ em

- Cung cấp các dịch vụ khẩn cấp: Trong thời kỳ thanh tra, Trung tâm tiếp nhận 05 trẻ em cần sự bảo vệ khẩn cấp (04 trẻ em bị bỏ rơi, 01 trẻ em có nguy cơ bị mua bán). Tại thời điểm thanh tra, Trung tâm đang tiếp nhận, hỗ trợ 02 trẻ em. Hồ sơ cung cấp các dịch vụ khẩn cấp đối với các trường hợp trên đầy đủ theo quy định tại Nghị định số 103/2017/NĐ-CP.

Quy trình tiếp nhận đối với trẻ em phải bảo vệ khẩn cấp: trên cơ sở đề nghị của chính quyền địa phương nơi phát hiện trẻ cần trợ giúp, Trung tâm đã phối hợp, xem xét, tư vấn, hoàn thiện hồ sơ đồng thời ban hành quyết định tiếp nhận đối tượng vào nuôi dưỡng tạm thời. Trong thời gian nuôi dưỡng tạm thời, Trung tâm tiếp tục phối hợp với chính quyền địa phương, các cơ quan có liên quan xem xét, giải quyết hoặc tìm người thân để đưa trẻ trở về với gia đình, địa phương khi đủ điều kiện. Nếu quá thời gian nuôi dưỡng tạm thời, mà chưa tìm được người thân, địa chỉ nơi cư trú, Trung tâm báo cáo Sở LĐTBXH cho tiếp nhận vào nuôi dưỡng tập trung tại Trung tâm.

- Tiếp nhận, quản lý, chăm sóc, nuôi dưỡng trẻ em thuộc diện đặc biệt khó khăn, không tự lo được cuộc sống và không có điều kiện sinh sống tại gia đình, cộng đồng: Trong thời kỳ thanh tra, Trung tâm nuôi dưỡng chăm sóc 20 trẻ em. Tại thời điểm thanh tra, Trung tâm đang nuôi dưỡng tại Trung tâm 09 trẻ em (09 trẻ đã trở về địa phương, 02 trẻ được nhận làm con nuôi).

- Quy trình thực hiện: Trung tâm tiếp nhận vào chăm sóc, nuôi dưỡng tạm thời theo đề nghị của chính quyền địa phương nơi phát hiện trẻ em có hoàn cảnh đặc biệt.

- Cung cấp các dịch vụ về giáo dục xã hội và nâng cao năng lực: Từ tháng 02/2020 đến thời điểm thanh tra, thực hiện thí điểm “Mô hình can thiệp cho trẻ mắc hội chứng tự kỷ”, Trung tâm đã dạy 38 trẻ tự kỷ (kinh phí đóng góp tự nguyện theo mức quy định tại Đề án số 2191/ĐA-SLĐTBXH ngày 10/12/2019 của Sở LĐTBXH tỉnh Vĩnh Phúc).

4.6. Việc thực hiện chính sách trợ giúp đối với trẻ em

4.6.1. Quản lý đối tượng

- Số trẻ em nuôi dưỡng tại Trung tâm qua các năm như sau: Năm 2019 là 14 trẻ em (tính đến 31/12), năm 2020 là 08 trẻ em (tính đến 31/12), năm 2021 (tại thời điểm thanh tra) là 11 trẻ em.

- Từ ngày 01/01/2019 đến thời điểm thanh tra có 11 trẻ em được chuyển ra khỏi Trung tâm, cụ thể: Năm 2019 có 05 trẻ em (03 trẻ em trở về địa phương, 01 trẻ em cho làm con nuôi trong nước, 01 trẻ em cho làm con nuôi nước ngoài); năm 2020 có 06 trẻ em trở về địa phương.

4.6.2. Hồ sơ, quy trình tiếp nhận và dừng nuôi dưỡng đối tượng

- Quy trình tiếp nhận: Trung tâm thực hiện theo quy định tại Điều 40, 41, 42 Nghị định số 103/2017/NĐ-CP.

- Quy trình dừng nuôi dưỡng: Trung tâm thực hiện theo quy định tại Điều 43 Nghị định số 103/2017/NĐ-CP, đã lập kế hoạch dừng trợ giúp và hỗ trợ hòa nhập cộng đồng đối với đối tượng quay về địa phương sinh sống.

4.6.3. Thực hiện quy định về tiêu chuẩn trợ giúp xã hội

a) Quy trình trợ giúp xã hội

Đã thực hiện một số bước theo quy định tại Điều 6 Thông tư số 33/2017/TT-BLĐTBXH như: Tiếp nhận thông tin, nhu cầu của đối tượng; tổ chức sàng lọc và phân loại đối tượng; đánh giá về tâm sinh lý, tình trạng sức khỏe và các nhu cầu của đối tượng; thực hiện chăm sóc, nuôi dưỡng; thu thập dữ liệu, tổng hợp, phân tích và đánh giá sự tiến triển của đối tượng; giám sát, đánh giá các hoạt động chăm sóc và điều chỉnh kế hoạch chăm sóc nếu cần thiết.

b) Tiêu chuẩn về môi trường, khuôn viên, nhà ở

Trung tâm có môi trường thoáng mát, nhiều cây xanh, không khí trong lành, yên tĩnh; có hệ thống thoát nước, nơi đổ rác, chất thải phù hợp; cổng Trung tâm có biển ghi tên và địa chỉ, có tường rào và đèn chiếu sáng, đảm bảo quy định diện tích bình quân 100 m²/01 đối tượng; có vị trí địa lý thuận tiện về giao thông, phù hợp với việc thực hiện chức năng, nhiệm vụ.

c) Tiêu chuẩn về y tế, vệ sinh, quần áo và dinh dưỡng

- Về chăm sóc nuôi dưỡng: Thực hiện Quyết định số 3623/QĐ-CT ngày 18/12/2015 của Chủ tịch UBND tỉnh Vĩnh Phúc quy định một số mức trợ cấp xã hội tại cộng đồng và Nghị quyết số 10/2021/NQ-HĐND ngày 03/8/2021 của HĐND tỉnh Vĩnh Phúc quy định một số mức trợ cấp xã hội tại cộng đồng, Trung tâm đã trang cấp quần áo, chăn, chiếu, xà phòng, dầu gội đầu cho đối tượng theo định mức quy định và cung cấp ba bữa ăn (sáng, trưa và tối) mỗi ngày bảo đảm dinh dưỡng. Tuy nhiên, Trung tâm lưu mẫu thức ăn chưa đảm bảo đủ 24 giờ, chưa lập sổ theo dõi việc lưu mẫu thức ăn theo quy định.

- Về chăm sóc sức khỏe: Đã tiến hành khám sức khỏe cho các đối tượng khi tiếp nhận ban đầu vào Trung tâm và khám sức khỏe định kỳ cho đối tượng theo đúng quy định. Theo đó, Phòng Y tế thiết lập bệnh án, sổ theo dõi sức khỏe của từng đối tượng, tiến hành cấp phát thuốc điều trị (theo đơn) cho các đối tượng hàng ngày. Phòng Y tế đã được bố trí đầy đủ tủ thuốc, trang thiết bị cơ bản phục vụ khám, chữa trị những bệnh thông thường, mua và cấp phát thuốc đặc trị đối với đối tượng khuyết tật tâm thần. Các đối tượng tại Trung tâm được cấp thẻ bảo hiểm y tế.

d) Tiêu chuẩn về giáo dục và học nghề

- Số trẻ em đi học văn hóa: Trong thời kỳ thanh tra, Trung tâm có 27 lượt trẻ em theo học văn hóa (năm học 2018 - 2019 có 10 trẻ em; năm học 2019 - 2020 có 08 trẻ em; năm học 2020 - 2021 có 04 trẻ em; năm học 2021 - 2022 có 05 trẻ em), kết thúc các năm học 100% trẻ em được lên lớp và đủ điều kiện chuyển cấp. 11 lượt trẻ em trong độ tuổi học văn hóa nhưng không đi học (trong đó: Năm 2019 có 03 trẻ, năm 2020 có 04 trẻ, năm 2021 có 04 trẻ), lý do: Đối tượng khuyết tật nặng, không có khả năng tiếp thu.

- Tại thời điểm thanh tra, Trung tâm đang triển khai 02 lớp xóa mù chữ và giáo dục tiếp tục sau biết chữ, trong đó có cả trẻ em khuyết tật (được Sở Giáo dục và Đào tạo Vĩnh Phúc đồng ý theo Văn bản số 974/SGDĐT-GDTH ngày 28/8/2017).

e) Tiêu chuẩn về văn hóa, thể thao và giải trí

Hàng năm, Trung tâm đều tổ chức các hoạt động văn nghệ, vui chơi cho trẻ em tham gia.

4.7. Các biện pháp đảm bảo an toàn

- Đã ban hành Quy định quản lý, chăm sóc đối tượng xã hội tại Trung tâm Công tác xã hội, trong đó bao gồm cả trẻ em (Quyết định số 299/QĐ-TTCTXH ngày 20/11/2018),

- Đã xây dựng kế hoạch tổ chức các hội nghị truyền thông trên địa bàn các huyện về trợ giúp các đối tượng yếu thế nói chung và trẻ em nói riêng: Kế hoạch số 35/KH-TTCTXH ngày 20/2/2019 về tư vấn, trợ giúp, phối hợp với địa phương về công tác rà soát các nhóm đối tượng có nhu cầu cần tư vấn, trợ giúp năm 2019; Kế hoạch số 103/KH-TTCTXH ngày 27/5/2019 về trợ giúp đối tượng là trẻ em bị bỏ rơi vào nuôi dưỡng tại Trung tâm Công tác xã hội; Kế hoạch số 28/KH-TTCTXH ngày 05/2/2020 về tư vấn, trợ giúp cho các đối tượng tại cộng đồng năm 2020; Kế hoạch số 113/KH-TTCTXH ngày 28/4/2020 về hỗ trợ phát triển cộng đồng năm 2020; Kế hoạch số 63/KH-TTCTXH ngày 03/3/2021 về tổ chức các hoạt động tuyên truyền, phát triển cộng đồng năm 2021; Kế hoạch số 120/KH-TTCTXH ngày 23/4/2021 về tư vấn, trợ giúp cho các đối tượng đủ điều kiện tiếp nhận vào nuôi dưỡng tập trung.

- Đã tổ chức giáo dục tư tưởng, quán triệt cách ứng xử và nền nếp sinh hoạt tại Trung tâm nhằm uốn nắn và kịp thời động viên chia sẻ với các đối tượng, phòng ngừa các hành vi tiêu cực, tệ nạn xã hội.

4.8. Việc kết nối mạng lưới bảo vệ trẻ em

- Đã thành lập Tổ công tác xã hội để phối hợp với chính quyền địa phương, gia đình các em sau khi tái hòa nhập cộng đồng để thăm, nắm tình hình, giúp đỡ các em hòa nhập với cộng đồng.

- Đã hỗ trợ kinh phí và giới thiệu việc làm cho các em tái hòa nhập cộng đồng.

- Duy trì việc tư vấn, trợ giúp người dân và các đối tượng xã hội qua tổng đài 1800585898. Kết quả năm 2019 đã tư vấn, trợ giúp cho 12 lượt, năm 2020 cho 17 lượt, năm 2021 cho 16 lượt liên quan đến trẻ em.

4.9. Kinh phí hoạt động đối với việc chăm sóc, nuôi dưỡng trẻ em

4.9.1. Kinh phí thực hiện chính sách trợ giúp xã hội thường xuyên

Kinh phí chi cho đối tượng (trong đó có trẻ em), Trung tâm chi theo định mức quy định tại Quyết định số 3464/QĐ-CT ngày 07/12/2011, Quyết định số 3623/QĐ-CT ngày 18/12/2015, Quyết định số 185/QĐ-CT ngày 02/01/2021 của Chủ tịch UBND tỉnh Vĩnh Phúc; Nghị định số 20/2021/NĐ-CP ngày 15/3/2021 của Chính phủ, cụ thể:

- Năm 2019, tổng chi cho 69 lượt đối tượng là 2.192.374.085 đồng (bình quân 31.773.537 đồng/đối tượng/năm).

- Năm 2020, tổng chi cho 65 lượt đối tượng là 2.093.903.901 đồng (bình quân 32.213.906 đồng/đối tượng/năm).

- Năm 2021 (tính đến 30/9/2021), tổng chi cho 65 đối tượng là 1.606.752.177 đồng (bình quân 24.719.264 đồng/đối tượng/9 tháng).

4.9.2. Kinh phí thực hiện trợ giúp khẩn cấp

Chi hỗ trợ thực hiện can thiệp khẩn cấp (trong đó có trẻ em), gồm:

- Năm 2019, chi cho 04 đối tượng là 20.233.200 đồng, mỗi đối tượng ở tại Trung tâm bình quân 2,5 tháng, kinh phí nuôi dưỡng bình quân 2.023.000 đồng/đối tượng/tháng.

- Năm 2020, chi cho 04 đối tượng là 13.093.400 đồng, mỗi đối tượng ở tại Trung tâm bình quân 1,5 tháng, kinh phí nuôi dưỡng bình quân 2.182.000 đồng/đối tượng/tháng.

- Năm 2021 (tính đến 30/9/2021) chi cho 06 đối tượng là 29.540.000 đồng, mỗi đối tượng ở tại Trung tâm bình quân 2,1 tháng, kinh phí nuôi dưỡng bình quân 2.344.000 đồng/đối tượng/tháng.

4.9.3. Kinh phí tiếp nhận sử dụng nguồn tài trợ

Thu tiền mặt từ các nhà tài trợ để chi mua trang thiết bị, dụng cụ cá nhân cho đối tượng (trong đó có trẻ em), chi mua bò giống, chi ăn thêm cho các đối tượng vào các ngày lễ, tết, chi lương lao động hợp đồng, cụ thể:

- Năm 2019: Tổng thu tiền mặt 317.740.000 đồng, tổng chi tiền mặt 317.740.000 đồng cho 70 đối tượng (bình quân 4.539.000 đồng/đối tượng/năm).

- Năm 2020: Tổng thu tiền mặt từ các nhà tài trợ 121.350.000 đồng, tổng chi tiền mặt 121.350.000 đồng cho 66 đối tượng (bình quân 1.838.000 đồng/đối tượng/năm).

- Năm 2021 (tính đến hết tháng 9/2021): Tổng thu tiền mặt 25.200.000 đồng, tổng chi tiền mặt 22.735.000 đồng cho 66 đối tượng (bình quân 344.000 đồng/đối tượng/9 tháng).

III. KẾT LUẬN

1. Những quy định của pháp luật về phòng, chống xâm hại trẻ em đã được địa phương thực hiện

1.1. Tại UBND tỉnh Vĩnh Phúc

1.1.1. Đã ban hành và chỉ đạo các Sở, ngành, UBND các huyện, thành phố ban hành văn bản chỉ đạo, tổ chức tuyên truyền, tập huấn nghiệp vụ chuyên môn và bố trí cán bộ làm công tác chăm sóc, bảo vệ trẻ em các cấp; thực hiện 02 kế hoạch liên ngành về việc phối hợp phòng, chống bạo lực, xâm hại trẻ em; 03 cuộc kiểm tra về công tác trẻ em; triển khai nhân rộng các mô hình can thiệp, phòng, chống bạo lực gia đình; Đã đầu tư sửa chữa, nâng cấp nhà văn hóa, khu vui chơi giải trí cho trẻ em; tổ chức các lớp dạy bơi miễn phí; đầu tư xây dựng bể bơi tại các trường học, bể bơi di động phục vụ công tác dạy bơi cho học sinh.

1.1.2. Đã trình HĐND tỉnh Vĩnh Phúc ban hành các nghị quyết nhằm: Nâng mức trợ cấp mua thẻ bảo hiểm y tế cho học sinh, sinh viên; nâng mức chuẩn hỗ trợ cho đối tượng bảo trợ xã hội (trong đó có trẻ em); bổ sung đối tượng trẻ em mẫu giáo học tại các trường mầm non công lập được ngân sách tỉnh hỗ trợ 100% học phí.

1.1.3. Thực hiện việc hỗ trợ mua thẻ bảo hiểm y tế, trợ cấp thường xuyên, khẩn cấp, miễn, giảm học phí và hỗ trợ chi phí học tập cho trẻ em có hoàn cảnh đặc biệt; hỗ trợ tư vấn pháp lý cho trẻ em bị xâm hại; hỗ trợ khám sàng lọc và hỗ trợ kinh phí phẫu thuật cho trẻ em bị bệnh tim bẩm sinh.

1.2. Tại UBND huyện Bình Xuyên

1.2.1. Đã ban hành và chỉ đạo Phòng LĐTBXH, UBND cấp xã ban hành văn bản chỉ đạo, tuyên truyền, phổ biến chính sách, pháp luật, các chương trình, đề án và bố trí cán bộ làm công tác chăm sóc và bảo vệ trẻ em trên địa bàn. Ban hành và thực hiện: Kế hoạch về phòng chống bạo lực, xâm hại trẻ em; Chương trình hành động vì trẻ em; Kế hoạch về phòng, chống tai nạn thương tích trẻ em; Kế hoạch về ngăn ngừa và giảm thiểu trẻ em lao động trái quy định của pháp luật; thành lập Ban điều hành và nhóm công tác liên ngành bảo vệ chăm sóc trẻ em; thực hiện 01 cuộc kiểm tra công tác chăm sóc trẻ em tại thị trấn Gia Khánh; thực hiện tuyên truyền, tư vấn các nội dung về chăm sóc sức khỏe cho trẻ em theo độ tuổi; tổ chức dạy bơi miễn phí cho trẻ em; hỗ trợ mua thẻ bảo hiểm y tế cho trẻ em; bố trí bộ phận y tế học đường tại các trường học trên địa bàn; bố trí điểm vui chơi giải trí cho trẻ em tại các nhà văn hóa các thôn, tổ dân phố.

1.2.2. Đã hỗ trợ làm các thủ tục đưa trẻ em mồ côi cả cha và mẹ đến cơ sở cung cấp dịch vụ bảo vệ trẻ em để chăm sóc, nuôi dưỡng thay thế; hỗ trợ thân nhân của trẻ em bị chết do tai nạn thương tích; hỗ trợ trẻ em bị nhiễm HIV điều trị và theo dõi sức khỏe; hỗ trợ pháp lý cho trẻ em bị xâm hại.

1.3. Tại UBND xã Tam Hợp và Sơn Lôi huyện Bình Xuyên

Đã ban hành văn bản chỉ đạo triển khai về thực hiện và tuyên truyền, phổ biến chính sách, pháp luật, các chương trình, đề án về chăm sóc và bảo vệ trẻ em

trên địa bàn; bố trí cán bộ làm công tác chăm sóc và bảo vệ trẻ em; bố trí điểm vui chơi, giải trí, hoạt động văn hóa, nghệ thuật, thể dục, thể thao cho trẻ em.

1.4. Tại Trung tâm Công tác xã hội tỉnh Vĩnh Phúc

1.4.1. Đã được Sở LĐTBXH tỉnh Vĩnh Phúc cấp Giấy phép hoạt động theo quy định; đảm bảo các điều kiện chăm sóc nuôi dưỡng thay thế (đủ diện tích phòng ở phù hợp với độ tuổi, giới tính; có nhà vệ sinh, nhà tắm, bếp ăn,...), bố trí nhân viên quản lý, chăm sóc phù hợp. Đã tư vấn, trợ giúp cho 45 lượt người dân và các đối tượng xã hội có liên quan đến trẻ em thông qua tổng đài 1800585898

1.4.2. Đã tiếp nhận, chăm sóc nuôi dưỡng trẻ em theo quy định: Tổ chức sàng lọc và phân loại đối tượng; đánh giá về tâm sinh lý, tình trạng sức khỏe và các nhu cầu của đối tượng; thực hiện chăm sóc, nuôi dưỡng; thu thập dữ liệu, tổng hợp, phân tích và đánh giá sự tiến triển của đối tượng; giám sát, đánh giá các hoạt động chăm sóc và điều chỉnh kế hoạch chăm sóc nếu cần thiết; tổ chức bữa ăn đảm bảo tiêu chuẩn, chế độ; bố trí cho trẻ em được học văn hóa, học nghề.

1.4.3. Đã thành lập Tổ công tác xã hội để phối hợp với chính quyền địa phương và gia đình để nắm tình hình và giúp đỡ trẻ em sau khi tái hòa nhập cộng đồng.

2. Những quy định của pháp luật về phòng, chống xâm hại trẻ em chưa được địa phương thực hiện hoặc thực hiện chưa đầy đủ.

2.1. Tại UBND tỉnh Vĩnh Phúc

2.1.1. Chưa tổ chức thanh tra chuyên đề về phòng, chống xâm hại trẻ em theo quy định tại điểm a Khoản 6 Điều 2 Nghị quyết số 121/2020/QH14.

2.1.2. Chưa trình HĐND tỉnh Vĩnh Phúc ban hành mức trợ cấp đối với trẻ em mầm non là con công nhân, người lao động làm việc tại khu công nghiệp theo quy định tại Điều 8 Nghị định số 105/2020/NĐ-CP ngày 08/09/2020 của Chính phủ quy định chính sách phát triển giáo dục mầm non.

2.1.3 Chưa tổng hợp số liệu về tư vấn, hỗ trợ trẻ em chăm sóc sức khỏe sinh sản; việc tư vấn, bảo vệ, chăm sóc sức khỏe cho trẻ em bị xâm hại.

2.1.4. Chưa tổng hợp số liệu tổng hợp về chi trả hoặc hỗ trợ chi trả chi phí khám bệnh, chữa bệnh, chi phí giám định sức khỏe cho trẻ em bị xâm hại, trẻ em có nguy cơ bị xâm hại.

2.2. Tại UBND huyện Bình Xuyên

2.2.1. Chưa trình HĐND huyện Bình Xuyên ban hành Nghị quyết thực hiện và tăng cường giám sát việc thực hiện chính sách, pháp luật về trẻ em, trong đó có nội dung phòng, chống xâm hại trẻ em tại địa phương theo quy định tại điểm a khoản 6 Điều 2 Nghị quyết số 121/2020/QH14.

2.2.2. Chưa báo cáo HĐND huyện Bình Xuyên việc thực hiện quyền trẻ em, giải quyết các vấn đề về trẻ em của địa phương, trong đó có nội dung thực

hiện phòng, chống xâm hại trẻ em theo quy định tại điểm b khoản 6 Điều 2 Nghị quyết số 121/2020/QH14.

2.2.3. Chưa thực hiện thanh tra chuyên đề về phòng, chống xâm hại trẻ em theo quy định tại điểm a khoản 6 Điều 2 Nghị quyết số 121/2020/QH14.

2.2.4. Xác định sai thời điểm hưởng trợ cấp hàng tháng của 07 trẻ em là người khuyết tật theo quy định tại điểm đ khoản 1 Điều 8 Nghị định số 136/2013/NĐ-CP ngày 21/10/2013 của Chính phủ quy định chính sách trợ giúp xã hội đối với đối tượng bảo trợ xã hội và tại điểm đ khoản 1 Điều 8 Nghị định số 20/2021/NĐ-CP của Chính phủ ngày 15/3/2021 quy định chính sách trợ giúp xã hội đối với đối tượng bảo trợ xã hội, tổng số tiền chi thiếu cho đối tượng là 6.257.000 đồng (chi tiết tại Phụ lục số 03 kèm theo).

2.2.5. Tại xã Đạo Đức (nay là thị trấn Đạo Đức) xác định 06 trẻ em đã được cấp giấy chứng nhận là người khuyết tật nặng (năm 2016 và 2017), nhưng chưa được hưởng trợ cấp xã hội hàng tháng theo quy định tại Điều 8 Nghị định số 136/2013/NĐ-CP ngày 21/10/2013 của Chính phủ quy định chính sách trợ giúp xã hội đối với đối tượng bảo trợ xã hội (nay là Điều 8 Nghị định số 20/2021/NĐ-CP ngày 15/3/2021 quy định chính sách trợ giúp xã hội đối với đối tượng bảo trợ xã hội).

2.2.6. Chưa thực hiện miễn, giảm học phí, hỗ trợ chi phí học tập, hỗ trợ tiền ăn trưa cho trẻ em thuộc diện đối tượng được hỗ trợ trong học kỳ II năm học 2020-2021, tổng số tiền là 2.539.488.000 đồng (chi tiết tại Phụ lục số 04b kèm theo).

2.3. Tại UBND 02 xã Tam Hợp và Sơn Lôi thuộc huyện Bình Xuyên

2.3.1. Chưa trình HĐND cấp xã ban hành Nghị quyết để thực hiện và tăng cường giám sát việc thực hiện chính sách, pháp luật về trẻ em, trong đó có nội dung phòng, chống xâm hại trẻ em tại địa phương theo quy định tại điểm a khoản 6 Điều 2 Nghị quyết số 121/2020/QH14.

2.3.2. Chưa báo cáo HĐND cấp xã việc thực hiện quyền trẻ em, giải quyết các vấn đề về trẻ em của địa phương, trong đó có nội dung thực hiện phòng, chống xâm hại trẻ em theo quy định tại điểm b khoản 6 Điều 2 Nghị quyết số 121/2020/QH14.

2.3.3. Chưa thực hiện kiểm tra chuyên đề về phòng, chống xâm hại trẻ em theo quy định tại điểm a khoản 6 Điều 2 Nghị quyết số 121/2020/QH14.

2.3.4. Chưa thực hiện quy trình hỗ trợ; can thiệp đối với 03 trẻ em bị xâm hại tại xã Sơn Lôi; 13 trẻ em có nguy cơ bị xâm hại, trẻ em có hoàn cảnh đặc biệt (gồm: 03 trẻ em tại xã Tam Hợp và 10 trẻ em tại xã Sơn Lôi) theo quy định tại theo quy định tại Chương IV Luật Trẻ em và Mục 2, Mục 3 Chương III Nghị định số 56/2017/NĐ-CP.

2.4. Tại Trung tâm Công tác Xã hội tỉnh Vĩnh Phúc

2.4.1. Chưa chuyển đổi 03 lao động ký hợp đồng theo Nghị số 68/2000/NĐ-CP ngày 17/11/2000 của Chính phủ sang ký hợp đồng lao động theo quy định tại Điều 4 Thông tư số 03/2019/TT-BNV.

2.4.2. Trả lương 04 hợp đồng lao động thấp hơn mức lương tối thiểu vùng theo quy định tại Nghị định số 90/2019/NĐ-CP ngày 15/11/2019 của Chính phủ quy định về mức lương tối thiểu vùng áp dụng đối với người lao động làm việc theo hợp đồng lao động.

2.4.3. Chưa bố trí đủ nhân viên theo quy định tại Thông tư số 33/2017/TT-BLĐTBXH, cụ thể thiếu: 01 nhân viên tâm lý, 06 nhân viên chăm sóc đối tượng, 01 nhân viên y tế, 01 nhân viên phụ trách dinh dưỡng, 05 nhân viên phục hồi chức năng.

2.4.4. Chưa thực hiện lưu mẫu thức ăn đủ 24 giờ, chưa lập sổ theo dõi việc lưu mẫu thức ăn theo quy định tại Quyết định số 1246/QĐ-BYT ngày 31/03/2017 của Bộ trưởng Bộ Y tế hướng dẫn thực hiện chế độ kiểm thực ba bước và lưu mẫu thức ăn đối với cơ sở kinh doanh dịch vụ ăn uống do Bộ trưởng Bộ Y tế ban hành.

IV. KIẾN NGHỊ CÁC BIỆN PHÁP XỬ LÝ

1. Đối với Chủ tịch UBND tỉnh Vĩnh Phúc

1.1. Chỉ đạo thanh tra, kiểm tra chuyên đề về phòng, chống xâm hại trẻ em theo quy định tại điểm a khoản 6 Điều 2 Nghị quyết số 121/2020/QH14.

1.2. Xây dựng và trình HĐND tỉnh phê duyệt mức trợ cấp đối với trẻ em mầm non là con công nhân, người lao động làm việc tại khu công nghiệp theo quy định tại Điều 8 Nghị định số 105/2020/NĐ-CP ngày 08/09/2020 của Chính phủ quy định chính sách phát triển giáo dục mầm non.

1.3 Chỉ đạo Giám đốc Sở Y tế tỉnh thực hiện việc tư vấn, hỗ trợ trẻ em chăm sóc sức khỏe sinh sản và tổng hợp số liệu theo quy định tại Thông tư số 33/2017/TT-BYT ngày 01/8/2017 của Bộ Y tế quy định về tư vấn, hỗ trợ trẻ em chăm sóc sức khỏe sinh sản phù hợp với độ tuổi.

1.4. Chỉ đạo UBND các cấp thực hiện quy trình hỗ trợ, can thiệp đối với trẻ em bị xâm hại, trẻ em có nguy cơ bị xâm hại, trẻ em có hoàn cảnh đặc biệt theo quy định Chương IV Luật Trẻ em và Mục 2, Mục 3 Chương III Nghị định số 56/2017/NĐ-CP để thực hiện các chính sách hỗ trợ theo quy định tại Mục 2, Chương II Nghị định số 56/2017/NĐ-CP.

1.5. Chỉ đạo các đơn vị được thanh tra nghiêm túc rút kinh nghiệm, kiểm điểm trách nhiệm đối với tập thể, cá nhân thuộc thẩm quyền quản lý đã để xảy ra thiếu sót nêu tại Mục 2 Phần III Kết luận thanh tra này.

2. Đối với Giám đốc Sở LĐTBXH

2.1. Tham mưu UBND tỉnh thực hiện việc thanh tra, kiểm tra chuyên đề về phòng, chống xâm hại trẻ em theo quy định tại điểm a khoản 6 Điều 2 Nghị quyết số 121/2020/QH14.

2.2. Hướng dẫn các cơ quan, đơn vị UBND cấp huyện, cấp xã thực hiện quy trình hỗ trợ, can thiệp đối với trẻ em bị xâm hại, trẻ em có nguy cơ bị xâm

hại, trẻ em có hoàn cảnh đặc biệt theo quy định tại Chương IV Luật Trẻ em và Mục 2, Mục 3 Chương III Nghị định số 56/2017/NĐ-CP.

2.3. Chỉ đạo Trung tâm công tác xã hội tỉnh Vĩnh Phúc thực hiện kiến nghị nêu tại điểm 2.4 Mục 2 Phần III Kết luận thanh tra này.

2.4. Thông báo về những thiếu sót của các cơ quan, đơn vị được thanh tra đến các huyện, thành phố khác trên địa bàn tỉnh để thực hiện tự kiểm tra, rà soát, rút kinh nghiệm, khắc phục kịp thời những sai sót tương tự.

3. Đối với Chủ tịch UBND huyện Bình Xuyên

3.1. Tham mưu, trình HĐND huyện Bình Xuyên ban hành Nghị quyết để thực hiện và tăng cường giám sát việc thực hiện chính sách, pháp luật về trẻ em, trong đó có nội dung phòng, chống xâm hại trẻ em tại địa phương theo quy định tại điểm a khoản 6 Điều 2 Nghị quyết số 121/2020/QH14.

3.2. Hằng năm, báo cáo HĐND huyện việc thực hiện quyền trẻ em, giải quyết các vấn đề về trẻ em của địa phương, trong đó có nội dung thực hiện phòng, chống xâm hại trẻ em theo quy định tại điểm b khoản 6 Điều 2 Nghị quyết số 121/2020/QH14.

3.3. Tiến hành thanh tra, kiểm tra chuyên đề về phòng, chống xâm hại trẻ em theo quy định tại điểm a khoản 6 Điều 2 Nghị quyết số 121/2020/QH14 ngày 19/6/2020 của Quốc hội về tiếp tục tăng cường hiệu lực, hiệu quả việc thực hiện chính sách, pháp luật về phòng, chống xâm hại trẻ em.

3.4. Chỉ đạo các cơ quan chuyên môn thuộc UBND huyện và UBND cấp xã thực hiện quy trình hỗ trợ, can thiệp đối với trẻ em bị xâm hại, trẻ em có nguy cơ bị xâm hại, trẻ em có hoàn cảnh đặc biệt theo quy định tại Chương IV Luật Trẻ em và Mục 2, Mục 3 Chương III Nghị định số 56/2017/NĐ-CP.

3.5. Chỉ đạo UBND xã Tam Hợp và xã Sơn Lôi thực hiện hỗ trợ can, can thiệp đối với 13 trường hợp trẻ em có nguy cơ bị xâm hại được nêu tại tiết 2.3.4 điểm 2.3 Mục 3 Phần III Kết luận thanh tra này theo quy định tại Mục 3 Chương III Nghị định số 56/2017/NĐ-CP.

3.6. Truy trả số tiền 6.257.000 đồng cho 07 trẻ em hưởng trợ cấp xã hội hàng tháng do UBND huyện ban hành Quyết định chưa đúng thời điểm hưởng được nêu tại tiết 2.2.4 điểm 2.2 Mục 2 Phần III Kết luận thanh tra này, theo quy định tại điểm đ khoản 1 Điều 8 Nghị định số 136/2013/NĐ-CP ngày 21/10/2013 của Chính phủ quy định chính sách trợ giúp xã hội đối với đối tượng bảo trợ xã hội và tại điểm đ khoản 1 Điều 8 Nghị định số 20/2021/NĐ-CP của Chính phủ ngày 15/3/2021 quy định chính sách trợ giúp xã hội đối với đối tượng bảo trợ xã hội.

3.7. Chỉ đạo UBND thị trấn Đạo Đức tiến hành các thủ tục xét duyệt hồ sơ đề nghị hưởng chế độ trợ cấp hàng tháng cho 06 trường hợp người khuyết tật là trẻ em được nêu tại tiết 2.2.5 khoản 2.2 Mục 2 Phần III Kết luận thanh tra này; xác định rõ trách nhiệm của tập thể, cá nhân trong việc chậm giải quyết hồ

sơ đối với 06 trường hợp nêu trên so với quy định tại Điều 8 Nghị định số 136/2013/NĐ-CP ngày 21/10/2013 của Chính phủ quy định chính sách trợ giúp xã hội đối với đối tượng bảo trợ xã hội (nay là Điều 8 Nghị định số 20/2021/NĐ-CP ngày 15/3/2021 quy định chính sách trợ giúp xã hội đối với đối tượng bảo trợ xã hội).

3.8. Thực hiện ngay việc miễn, giảm học phí, hỗ trợ chi phí học tập, hỗ trợ tiền ăn trưa cho trẻ em thuộc diện đối tượng được hỗ trợ trong học kỳ II năm học 2020-2021, với tổng số tiền là 2.539.488.000 đồng.

3.9. Nghiêm túc rút kinh nghiệm, kiểm điểm trách nhiệm đối với tập thể, cá nhân thuộc thẩm quyền quản lý đã để xảy ra thiếu sót nêu tại Mục 2 Phần III Kết luận thanh tra này.

4. Đối với Chủ tịch UBND 02 xã Tam Hợp và Sơn Lôi

4.1. Tham mưu, trình HĐND cấp xã ban hành Nghị quyết để thực hiện và tăng cường giám sát việc thực hiện chính sách, pháp luật về trẻ em, trong đó có nội dung phòng, chống xâm hại trẻ em tại địa phương theo quy định tại điểm a khoản 6 Điều 2 Nghị quyết số 121/2020/QH14.

4.2. Hằng năm, báo cáo HĐND xã việc thực hiện quyền trẻ em, giải quyết các vấn đề về trẻ em của địa phương, trong đó có nội dung thực hiện phòng, chống xâm hại trẻ em theo quy định tại điểm b khoản 6 Điều 2 Nghị quyết số 121/2020/QH14.

4.3. Tiến hành kiểm tra chuyên đề về phòng, chống xâm hại trẻ em theo quy định tại điểm a khoản 6 Điều 2 Nghị quyết số 121/2020/QH14.

4.4. Thực hiện quy trình hỗ trợ, can thiệp đối với trẻ em bị xâm hại, trẻ em có nguy cơ bị xâm hại, trẻ em có hoàn cảnh đặc biệt được nêu tại tiết 3.3.4 điểm 3.3 Mục 3 Phần III Kết luận thanh tra theo quy định tại Mục 3 Chương III Nghị định số 56/2017/NĐ-CP.

5. Đối với Giám đốc Trung tâm Công tác Xã hội tỉnh Vĩnh Phúc

5.1. Thực hiện chuyển đổi 03 hợp đồng theo Nghị 68/2000/NĐ-CP sang ký hợp đồng lao động theo quy định tại Điều 4 Thông tư số 03/2019/TT-BNV.

5.2. Trả lương 04 hợp đồng lao động đảm bảo cao hơn mức lương tối thiểu vùng theo quy định tại Nghị định số 90/2019/NĐ-CP ngày 15/11/2019 của Chính phủ quy định về mức lương tối thiểu vùng áp dụng đối với người lao động làm việc theo hợp đồng lao động.

5.3. Bố trí đủ nhân viên để đảm bảo thực hiện nhiệm vụ theo quy định tại Thông tư số 33/2017/TT-BLĐTBXH.

5.4. Thực hiện lưu mẫu thức ăn đủ 24 giờ theo quy định tại Quyết định số 1246/QĐ-BYT ngày 31/03/2017 của Bộ trưởng Bộ Y tế hướng dẫn thực hiện chế độ kiểm thực ba bước và lưu mẫu thức ăn đối với cơ sở kinh doanh dịch vụ ăn uống do Bộ trưởng Bộ Y tế ban hành.

V. THỜI HẠN THỰC HIỆN KIẾN NGHỊ

1. Trong thời hạn 40 ngày kể từ ngày ký kết luận thanh tra này: Chủ tịch UBND huyện Bình Xuyên; Chủ tịch UBND xã Tam Hợp và Sơn Lôi thuộc huyện Bình Xuyên; Giám đốc Trung tâm Công tác xã hội tỉnh Vĩnh Phúc phải tổ chức thực hiện xong các kiến nghị liên quan nêu tại Phần IV Kết luận thanh tra này.

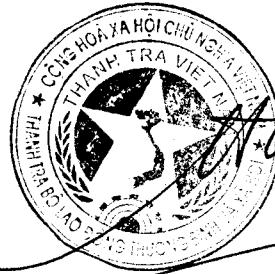
2. Giám đốc Sở LĐTBXH tỉnh Vĩnh Phúc thực hiện kiến nghị nêu tại khoản 2 Mục IV Kết luận thanh tra này; tổng hợp việc thực hiện kiến nghị của các đơn vị nêu tại Mục 3, 4 và 5 Phần IV Kết luận thanh tra này, báo cáo kết quả thực hiện về Thanh tra Bộ LĐTBXH (số 12 Ngô Quyền, quận Hoàn Kiếm, thành phố Hà Nội) trước ngày 31/01/2022.

3. Chủ tịch UBND tỉnh Vĩnh Phúc thực hiện kiến nghị nêu tại Mục 1 Phần IV Kết luận thanh tra này; chỉ đạo Sở LĐTBXH tổng hợp báo cáo kết quả thực hiện kiến nghị thanh tra của các đơn vị được thanh tra về Thanh tra Bộ LĐTBXH đảm bảo thời gian nêu trên./.

Nơi nhận:

- UBND tỉnh Vĩnh Phúc (để c/đ, t/h);
- Sở LĐTBXH tỉnh Vĩnh Phúc (để t/h);
- UBND huyện Bình Xuyên (để t/h);
- Bộ trưởng Đào Ngọc Dung (để b/c);
- Thứ trưởng Nguyễn Thị Hà (để b/c);
- Chánh thanh tra Bộ (để b/c);
- Cục Trẻ em (để ph/h);
- Công TTĐT Bộ LĐTBXH;
- Trang TTĐT Thanh tra Bộ;
- Lưu: TTr, TDTX, hồ sơ TTr.

**KT. CHÁNH THANH TRA
PHÓ CHÁNH THANH TRA**



Đàm Thị Minh Thu

PHỤ LỤC SỐ 01. DANH MỤC CÁC VĂN BẢN DO TỈNH ỦY, UBND VÀ CÁC SỞ, BAN, NGÀNH BAN HÀNH

Số TT	Loại văn bản	Tên văn bản	Đơn vị phát hành văn bản
I		VĂN BẢN CỦA TỈNH ỦY	
1	Chương trình	Chương trình hành động số 76/CT-TU ngày 06/6/2019 của Ban Thường vụ Tỉnh ủy về phòng, chống bạo lực, xâm hại trẻ em tỉnh Vĩnh Phúc	Tỉnh ủy
II		VĂN BẢN ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH	
1	Quyết định	Quyết định số 1017/QĐ-UBND ngày 29/4/2021 của UBND tỉnh ban hành Chương trình hành động vì trẻ em Vĩnh Phúc giai đoạn 2021-2030	UBND tỉnh
2	Quyết định	Chỉ thị số 02/CT-UBND ngày 13/2/2019 về tăng cường giải pháp bảo đảm môi trường giáo dục an toàn, lành mạnh, thân thiện, phòng, chống bạo lực học đường trên địa bàn tỉnh Vĩnh Phúc	UBND tỉnh
3	Kế hoạch	Quyết định số 1374/QĐ-UBND ngày 4/6/2019 của UBND tỉnh ban hành Quy chế phối hợp liên ngành về phòng, chống bạo lực gia đình tỉnh Vĩnh Phúc	UBND tỉnh
4	Kế hoạch	Kế hoạch 138/KH-UBND ngày 22/8/2019 của UBND tỉnh về triển khai thực hiện Chương trình hành động của Ban Thường vụ Tỉnh ủy về phòng, chống bạo lực, xâm hại trẻ em tỉnh Vĩnh Phúc	UBND tỉnh
5	Kế hoạch	Kế hoạch số 250/KH-UBND ngày 01 tháng 10 năm 2021 của UBND tỉnh về phòng chống tai nạn thương tích trẻ em giai đoạn 2021-2030	UBND tỉnh
6	Kế hoạch	Kế hoạch số 165/KH-UBND ngày 29 tháng 6 năm 2021 của UBND tỉnh về xã phường phù hợp với trẻ em giai đoạn 2021-2025	UBND tỉnh
7	Kế hoạch	Kế hoạch số 170/KH-UBND ngày 07 tháng 7 năm 2021 của UBND tỉnh về triển khai chương trình phòng ngừa, giảm thiểu trẻ em lao động trái quy định của pháp luật giai đoạn 2021-2025, định hướng đến 2030	UBND tỉnh
8	Kế hoạch	Kế hoạch số 158/KH-UBND ngày 28 tháng 10 năm 2019 của UBND tỉnh về triển khai Tháng hành động vì bình đẳng giới và phòng chống bạo lực trên cơ sở giới 2019	UBND tỉnh
9	Kế hoạch	Kế hoạch số 02/KH-BCD ngày 13/01/2019 của Ban chỉ đạo Công tác gia đình tỉnh về thực hiện nhiệm vụ công tác gia đình năm 2019	UBND tỉnh



10	Kế hoạch	Kế hoạch số 06/KH-BCD ngày 13/01/2020 của Ban chỉ đạo Công tác gia đình tỉnh về thực hiện nhiệm vụ công tác gia đình năm 2020	UBND tỉnh
11	Kế hoạch	Kế hoạch số 166/KH-UBND ngày 03 tháng 11 năm 2020 của UBND tỉnh về triển khai Tháng hành động vì bình đẳng giới và phòng chống bạo lực trên cơ sở giới 2020	UBND tỉnh
12	Kế hoạch	Kế hoạch số 09/KH-BCD ngày 20/01/2021 của Ban chỉ đạo Công tác gia đình tỉnh về thực hiện nhiệm vụ công tác gia đình năm 2021	UBND tỉnh
13	Kế hoạch	Kế hoạch số 09/KH-BCD ngày 20/1/2021 thực hiện nhiệm vụ công tác gia đình năm 2021; Kế hoạch số 08/KH-BCD ngày 19/1/2021 của Ban chỉ đạo triển khai thực hiện Phong trào “Toàn dân đoàn kết xây dựng đời sống văn hóa” năm 2021	UBND tỉnh
14	Kế hoạch	Kế hoạch số 40/KH-UBND ngày 24/2/2021 của UBND tỉnh về thực hiện Kết luận số 76-KL/TW ngày 04/6/2020 của Bộ chính trị về tiếp tục thực hiện Nghị quyết số 33-NQ/TW của BCH TW Đảng (Khóa XI) về xây dựng và phát triển văn hóa, con người Việt Nam đáp ứng yêu cầu phát triển bền vững đất nước	UBND tỉnh
15	Kế hoạch	Kế hoạch số 59/KH-UBND ngày 16/3/2021 của UBND tỉnh về khai thác, phát huy hiệu quả thiết chế văn hóa Bảo tàng, Văn Miếu tỉnh, giai đoạn 2021-2025, định hướng đến năm 2030	UBND tỉnh
16	Kế hoạch	Kế hoạch số 103/KH-UBND ngày 27/4/2021 về Tổ chức các hoạt động văn hóa, thể thao nâng cao đời sống văn hóa, tinh thần cho nhân dân nông thôn, miền núi và công nhân các khu công nghiệp trên địa bàn tỉnh Vĩnh Phúc, giai đoạn 2021-2025, định hướng đến năm 2030	UBND tỉnh
17	Kế hoạch	Kế hoạch số 116/KH-UBND ngày 13/5/2021 của UBND tỉnh về thực hiện Đề án truyền thông về phát triển Phong trào “Toàn dân đoàn kết xây dựng đời sống văn hóa” đến năm 2025, tầm nhìn đến năm 2030	UBND tỉnh
18	Kế hoạch	Kế hoạch số 124/KH-UBND ngày 14/5/2021 về phòng, chống tội phạm xâm hại trẻ em và phòng, chống tội phạm, vi phạm pháp luật liên quan đến người dưới 18 tuổi giai đoạn 2021-2025	UBND tỉnh
19	Công văn	Công văn 9633/UBND-VX1 ngày 3/12/2019 của UBND tỉnh về tăng cường các biện pháp phòng chống bạo lực, xâm hại trẻ em	UBND tỉnh
20	Công văn	Văn bản số 2833/UBND-VX4 ngày 23/4/2021 của UBND tỉnh về tăng cường phòng chống tai nạn thương tích, xâm hại bạo lực trẻ em	UBND tỉnh
21	Công văn	Văn bản số 3421/UBND-VX4 ngày 12/5/2021 của UBND tỉnh về tiếp tục thực hiện nghiêm các biện pháp phòng, chống đuối nước, phòng chống xâm hại trẻ em	UBND tỉnh



22	Công văn	Văn bản số 3846/UBND-VX1 ngày 22/5/2020 về tăng cường công tác phòng, chống đuối nước, xâm hại bạo lực trẻ em	UBND tỉnh
23	Công văn	Văn bản số 4655/UBND-VX4 ngày 15/6/2021 về tiếp tục tăng cường công tác bảo vệ trẻ em trong đại dịch, phòng chống tai nạn, thương tích, xâm hại trẻ em	UBND tỉnh
III		VĂN BẢN CỦA CÁC SỞ NGÀNH	
1	Kế hoạch	Kế hoạch liên ngành Số 124/KH-SLĐTBXH-SGDDT-SVHTTDL-CAT giữa Sở LĐTBXH, Sở Giáo dục và Đào tạo, Sở Văn hóa, thể thao và du lịch, Công an tỉnh và phòng chống bạo lực, xâm hại trẻ em	Liên ngành
2	Kế hoạch	Kế hoạch Liên ngành Số 125/KH-SLĐTBXH-SYT-TĐTN-HLHPN giữa Sở LĐTBXH, Sở Y tế, Tỉnh Đoàn, Hội Liên hiệp Phụ nữ tỉnh ngày 29/10/2019 về phòng, chống bạo lực, xâm hại trẻ em	Liên ngành
3	Kế hoạch	Kế hoạch số 18/KH-SGDDT ngày 14/3/2019 về việc triển khai, thực hiện Chỉ thị 02/CT-UBND ngày 13/02/2019 của UBND tỉnh Vĩnh Phúc về tăng cường giải pháp bảo đảm môi trường giáo dục an toàn, lành mạnh, thân thiện, phòng, chống bạo lực học đường trên địa bàn tỉnh Vĩnh Phúc	Sở GD&ĐT
4	Kế hoạch	Kế hoạch số 86/KH-BCNDA4 ngày 12/2/2020 của Công an tỉnh thực hiện Dự án 4: “Đấu tranh phòng, chống tội phạm xâm hại trẻ em, người chưa thành niên vi phạm pháp luật năm 2020”	Công an tỉnh
5	Kế hoạch	Kế hoạch Số 26/KH-SLĐTBXH ngày 14/2/2020 của Sở LĐTBXH về TT phòng, chống bạo lực, xâm hại trẻ em 2020	Sở LĐTBXH
6	Kế hoạch	Kế hoạch số 25/KH-SLĐTBXH ngày 18/2/2021 của Sở LĐTBXH về phòng, chống bạo lực, xâm hại trẻ em 2021	Sở LĐTBXH
7	Kế hoạch	Kế hoạch số 189/KH-CAT ngày 11/4/2020 thực hiện Quyết định số 1863/QĐ-TTg ngày 23/12/2019 của TTCP về Phê duyệt KH hành động Quốc gia phòng, chống bạo lực, xâm hại trẻ em giai đoạn 2020-2025	Công an tỉnh
8	Kế hoạch	Kế hoạch số 46/KH-SGDDT ngày 22/4/2021 của Sở GDĐT về việc triển khai công tác phòng, chống tai nạn thương tích, đuối nước đối với trẻ em, học sinh năm 2021	Sở GD&ĐT
9	Kế hoạch	Kế hoạch số 404/KH-CAT ngày 28/8/2020 thực hiện Chỉ thị số 23/CT-TTg ngày 06/7/2020 của TTCP về Tăng cường các giải pháp bảo đảm thực hiện quyền trẻ em và bảo vệ trẻ em	Công an tỉnh



10	Kế hoạch	Kế hoạch 52/KH-SGDĐT ngày 02/6/2021 của Sở GDĐT về việc triển khai Tháng hành động phòng, chống ma túy năm 2021	Sở Giáo dục và Đào tạo
11	Kế hoạch	Kế hoạch số 63/KH-SVHTTDL ngày 15/7/2021 về phòng, chống tội phạm xâm hại trẻ em và phòng, chống tội phạm, vi phạm pháp luật liên quan đến người dưới 18 tuổi (giai đoạn 2021 - 2025)	Sở Văn hóa, thể thao và du lịch
12	Kế hoạch	Kế hoạch 64/KH-SVHTTDL ngày 15/7/2021 về triển khai thực hiện Chiến lược quốc gia về bình đẳng giới giai đoạn 2021-2025 trên địa bàn tỉnh	Sở Văn hóa, thể thao và du lịch
13	Kế hoạch	Kế hoạch số 124/KH-UBND ngày 14/5/2021 về phòng chống tội phạm xâm hại trẻ em và phòng chống tội phạm vi phạm pháp luật liên quan đến người dưới 18 tuổi	Công an tỉnh
14	Quyết định	Quyết định số 1416/QĐ-BCD ngày 03/6/2021 về việc phòng chống tội phạm xâm hại trẻ em và phòng chống tội phạm vi phạm pháp luật liên quan đến người dưới 18 tuổi giai đoạn 2021-2025	Công an tỉnh
15	Công văn	Văn bản số 165/SGDDĐT-CTTT ngày 19/02/2019 của Sở Giáo dục và Đào tạo về việc hướng dẫn xây dựng kế hoạch phòng ngừa bạo lực học đường	Sở Giáo dục và Đào tạo
16	Công văn	Văn bản số 170/SGDDĐT-CTTT ngày 20/02/2019 của Sở Giáo dục và Đào tạo về việc phối hợp tổ chức hoạt động tuyên truyền, tư vấn, giáo dục giới tính, chống xâm hại tình dục cho học sinh	Sở Giáo dục và Đào tạo
17	Công văn	Văn bản số 361/SGDDĐT-CTTT ngày 01/4/2019 của Sở Giáo dục và Đào tạo về việc bảo đảm môi trường giáo dục an toàn, lành mạnh và phòng chống vi phạm đạo đức nhà giáo	Sở Giáo dục và Đào tạo
18	Công văn	Văn bản số 490/SGDDĐT-CTTT ngày 24/4/2019 của Sở Giáo dục và Đào tạo về việc tăng cường giải pháp phòng, chống bạo lực học đường	Sở Giáo dục và Đào tạo
19	Công văn	Văn bản số 495/SGDDĐT-CTTT ngày 26/4/2019 của Sở Giáo dục và Đào tạo về việc tăng cường công tác phòng chống tai nạn thương tích, đuối nước cho học sinh từ năm 2019	Sở Giáo dục và Đào tạo
20	Công văn	Văn bản số 1372/SGDDĐT-CTTT ngày 03/10/2019 của Sở Giáo dục và Đào tạo về việc tăng cường công tác đảm bảo trật tự an toàn giao thông từ năm học 2019-2020	Sở Giáo dục và Đào tạo
21	Công văn	Công văn số 277/SLĐTBXH-BVCSTE ngày 20/11/2019 về việc chỉ đạo UBND các xã, thị trấn thành lập Ban điều hành và nhóm công tác liên ngành Bảo vệ, chăm sóc trẻ em cấp xã	Sở LĐTBXH
22	Công văn	Văn bản số 1777/SGDDĐT-CTTT ngày 04/12/2019 của Sở Giáo dục và Đào tạo về việc nhân rộng mô hình công trường an toàn giao thông	Sở Giáo dục và Đào tạo



23	Công văn	Văn bản số 1419/SGDDĐT-CTTT ngày 09/10/2019 của Sở Giáo dục và Đào tạo về việc tiếp tục tăng cường công tác phòng, chống bạo lực học đường, xâm hại trẻ em từ năm học 2019-2020	Sở Giáo dục và Đào tạo
24	Công văn	Văn bản số 666/SGDDĐT-CTTT ngày 29/5/2020 về việc tăng cường các biện pháp đảm bảo an ninh, an toàn phòng tai nạn thương tích trong trường học	Sở Giáo dục và Đào tạo
25	Công văn	Văn bản số 1310/SGDDĐT-CTTT ngày 17/9/2020 của Sở Giáo dục và Đào tạo về việc tiếp tục tăng cường các biện pháp đảm bảo an toàn trường học	Sở Giáo dục và Đào tạo
26	Công văn	Văn bản số 700/SGDDĐT-CTTT ngày 21/5/2021 của Sở Giáo dục và Đào tạo về việc tăng cường công tác phòng, chống tai nạn thương tích, đuối nước, bạo lực xâm hại trẻ em, học sinh năm 2021	Sở Giáo dục và Đào tạo
27	Công văn	Văn bản 749/SGDDĐT-CTTT ngày 27/5/2021 của Sở Giáo dục và Đào tạo về việc tăng cường thực thi luật phòng, chống tác hại của thuốc lá và hướng ứng tuần lễ quốc gia không khởi thuốc	Sở Giáo dục và Đào tạo
28	Công văn	Văn bản số 755/SGDDĐT-CTTT ngày 28/5/2021 của Sở Giáo dục và Đào tạo về việc tăng cường công tác tuyên truyền, giáo dục pháp luật về phòng, chống mua bán người năm 2021	Sở Giáo dục và Đào tạo
29	Công văn	Văn bản số 774/SVHTTDL-QLGD&NSVH ngày 24/6/2021, tiếp tục tăng cường công tác bảo vệ, chăm sóc trẻ em trong đại dịch COVID-19 và phòng, chống tai nạn, thương tích, đuối nước trẻ em	Sở Văn hóa TT&DL



PHỤ LỤC SỐ 02. TÔNG HỢP SỞ VỤ TRẺ EM BỊ XÂM HẠI TRÊN ĐỊA BÀN HUYỆN BÌNH XUYỀN
(Từ ngày 01/01/2019 đến 30/9/2021)

STT	Từng năm	Ngày tháng xảy ra vụ việc	Tóm tắt vụ việc	Hình thức, biện pháp hỗ trợ, can thiệp	Kết quả giải quyết	Ghi chú	
I	Trẻ em bị bạo lực						
1	Năm 2021	12/2/2021	Khoảng 20 giờ ngày 12/02/2021, anh Trần Xuân Hạnh, sinh năm 1981 ở Mỹ Đô - Tân Phong cùng vợ là Phan Thị Lan, sinh năm 1983 và con là Bùi Bình An, sinh năm 2014 ăn cơm tại nhà anh Trần Văn Hùng, sinh năm 1987 ở Tiên Phong - Tân Phong và bạn Hùng là Bùi Minh Như, sinh năm 1983 ở Mỹ Đô - Tân Phong. Đến khoảng 22 giờ cùng ngày anh Hùng có báo con trai là Trần Quang Dương, sinh năm 2011 và cháu Bùi Bình An sang mời bạn là Đỗ Mạnh Cường, sinh năm 1981 ở cùng thôn với anh Hùng sang ăn cơm, uống rượu cùng. Khi đến nhà Đỗ Mạnh Cường cháu Bình An đòi số tiền 10.000 đồng để bỏ vào con lợn tiết kiệm của nhà Cường trước đó. Do Cường ngu nên vợ Cường là chị Nguyễn Thị Hương, sinh năm 1983 báo cháu An và cháu Dương về. Khoảng 22 giờ 15 phút cùng ngày cháu An và cháu Dương lại đến nhà Cường đòi tiền và chửi tục. Do bực tức nên Cường đẩy cháu An và Dương về nhà Hùng. Sau đó đi xe máy đến nhà Hùng bế cháu An lên xe đi ra đường đến gần bãi rác thuộc thôn Nam Bàn - Tân Phong dùng tay không tát vào mặt cháu An và dùng cành cây nhỏ vút 02 cái vào miệng cháu An. Sau đó Cường đưa cháu An quay về nhà Hùng và nói với anh Hạnh "mày không dạy được con để tao dạy". Thấy mặt cháu An bị xưng tấy, đỏ do bị Cường đánh nên anh Hạnh và chị Lan cãi nhau với Cường và trình báo Công an xã Tân Phong. Do bị Cường dùng tay tát vào mặt và dùng cành cây vút vào miệng nên cháu An bị sưng tấy đỏ (bầm tím) nhưng thương tích không đáng kể. Gia đình anh Hạnh không đề nghị giám định, không yêu cầu bồi thường thiệt hại về thể chất, tinh thần và chi phí viện phí	Công an xã tiếp nhận và nội dung đơn đề nghị và xác minh theo thẩm quyền. Chính quyền địa phương cùng các ban ngành, đoàn thể đến thăm hỏi động viên cháu An và gia đình. Công an xã đã đề xuất chủ tịch UBND xã ra Quyết định xử phạt vi phạm hành chính đối với Đỗ Mạnh Cường và hành vi xâm hại sức khỏe người khác quy định tại Điểm e khoản 3 Điều 5 Nghị định 167/2013/NĐ-CP ngày 12/11/2013, mức phạt từ 2.000.000đ đến 3.000.000đ. Tình tiết tăng nặng: Vi phạm đối với trẻ em, quy định tại Điểm m khoản 1 điều 10 Luật Vi phạm hành chính.	Công văn đề nghị trợ giúp pháp lý số 03 ngày 07/9/2021 gửi Trung tâm trợ giúp pháp lý tỉnh Vĩnh Phúc	Khởi tố Trần Văn Dương về tội "Đâm ô trẻ em"	
II	Trẻ em bị xâm hại tình dục						
1	Năm 2019	6/9/2019	Trần Văn Dương - sinh năm 1989 ở Phúc Kiên - Đông Lợi - Sơn Dương - Tuyên Quang làm công nhân khu công nghiệp Bá Thiên 2, tạm trú tại Thiên Kế - Bình Xuyên điều khiển xe mô tô biển kiểm soát: 29S4-6413 đi đến đường liên thôn Hiệp Thuận đi thôn Hương Đà - Thiên Kế, Dương đạp sai xe mô tô bên trái cùng chiều với giá vờ hỏi đường và có hành vi đâm ô với một số học sinh trường Trung học cơ sở Thiên Kế - Thiên Kế - Bình Xuyên - Vĩnh Phúc.				



2	Năm 2019	00/7/2019	Ngày 16/3/2020 Công an huyện Bình Xuyên tiếp nhận tin báo của Đinh Yến Linh - sinh năm 2004 ở Tân Giáo - Huy Tân - Phú Yên - Sơn La về việc: Khoảng cuối tháng 7/2019 đến giữa tháng 8/2019 Yến đi làm nhân viên quán hát tại xã Sơn Lôi - Bình Xuyên, đã bị Cầm Văn Thay - sinh năm: 1991 ở Bàn Nong Cựt - Tà Lại - Mộc Châu - Sơn La thực hiện hành vi giao cấu nhiều lần	Công văn đề nghị trợ giúp pháp lý số 02 ngày 17/7/2020 gửi Trung tâm trợ giúp pháp lý tỉnh Vĩnh Phúc	Khởi tố Cầm Văn Thay về tội "Giao cấu với người từ đủ 13 đến dưới 16 tuổi"	
3	Năm 2020	13/3/2020	Ngày 18/3/2020 Công an huyện Bình Xuyên tiếp nhận đơn trình báo của chị Nguyễn Thị Thanh Hương - Sinh năm: 2005 ở Đông Hội - Đông Anh - Hà Nội về việc ngày 13/3/2020 chị Hương bị Đàm Văn Thanh - sinh năm 1996 ở Tuấn Lộ - Sơn Dương - Tuyên Quang giao cấu tại nhà nghỉ Thành Dương 8 - Thiên Kế - Bình Xuyên	Công văn đề nghị trợ giúp pháp lý số 01 ngày 19/3/2020 gửi Trung tâm trợ giúp pháp lý tỉnh Vĩnh Phúc	Khởi tố Đàm Văn Thanh về tội "Giao cấu với người từ đủ 13 đến dưới 16 tuổi"	
4		00/7/2020	Ông Đỗ Minh Tuấn - sinh năm 1976 ở Xuân Hòa - Như Xuân - Thanh Hóa trình báo con gái là Đỗ Thị Hậu - sinh năm 2007 bỏ nhà đi làm nhân viên ở quán karaoke ở Bình Xuyên. Tối ngày 19/8/2020, Hậu cùng 2 với Lô Thị Yên - sinh năm 1995 và Phạm Văn Sáng - sinh năm 1992 đều ở Kim Long - Tam Dương về nhà Hậu để đón người ra làm nhân viên quán karaoke nhưng bị người nhà Hậu và người dân đưa lên Công an xã làm việc. Quá trình làm việc tại Công an huyện Bình Xuyên, Hậu khai trong thời gian làm việc tại quán karaoke có quen và yêu Phạm Anh Tuấn - sinh năm: 1997 ở Kim Long - Tam Dương và đã có quan hệ tình dục với Tuấn đầu tháng 7/2020 tại Bình Xuyên	Công văn đề nghị trợ giúp pháp lý số 05 ngày 06/11/2021 gửi Trung tâm trợ giúp pháp lý tỉnh Vĩnh Phúc	Khởi tố Phạm Anh Tuấn về tội "Giao cấu với người từ đủ 13 đến dưới 16 tuổi"	
5		00/7/2020	Ngày 03/11/2020 Công an huyện Bình Xuyên tiếp nhận đơn trình báo của Nguyễn Thị Sim - sinh năm 2005 ở Lương Cầu - Sơn Lôi, khoảng tháng 3 đến tháng 7/2020, Sim bị Đặng Trung Đức - sinh năm 2000 đang làm nhân viên quản lý nhà nghỉ Hải Dương ở thị trấn Lập Thạch có hành vi giao cấu nhiều lần với chị Sim tại thị trấn Lương Canh, thị trấn Đạo Đức và thị trấn Lập Thạch.	Công văn đề nghị trợ giúp pháp lý số 06 ngày 04/11/2020 gửi Trung tâm trợ giúp pháp lý tỉnh Vĩnh Phúc	Khởi tố Đặng Trung Đức về tội "Giao cấu với người từ đủ 13 đến dưới 16 tuổi"	
6	Năm 2020	3/8/2020	Khoảng 18h00 ngày 03/8/2020 Công an huyện Bình Xuyên tiếp nhận đơn trình báo của chị Trương Thị Hiếu - sinh năm 2004 ở Yên Định - Bắc Mê - Hà Giang về việc khoảng cùng ngày anh Đỗ Quang Trường - sinh năm 1985 ở Bạch Trư - Mè Linh - Hà Nội cùng một số người rủ nhau đến quán karaoke A999 tại Lương Cầu - Sơn Lôi để hát tại phòng 4 tầng 3 và có gọi một số nhân viên nữ phục vụ có Trương Thị Hiếu. Đến 14h30 nhóm thanh niên ra về trong phòng còn lại Trường và Hiếu, Trường nảy sinh dục vọng dùng vũ lực hiếp dâm Hiếu.	Công văn đề nghị trợ giúp pháp lý số 03 ngày 04/8/2020 gửi Trung tâm trợ giúp pháp lý tỉnh Vĩnh Phúc	Khởi tố Đỗ Quang Trường về tội "Hiếp dâm"	
7		10/8/2020	Hồi 21h00 ngày 12/8/2020, Công an huyện Bình Xuyên tiếp nhận đơn trình báo của chị Lưu Thị Nga, sinh năm 1977, HKTT: Thanh Lăng - Bình Xuyên về việc khoảng 16h00 ngày 10/8/2020 tại Tiên Phong - Tân Phong (là nơi ở của gia đình) con gái chị là Dương Diệu Thu, sinh năm 2004 bị Trần Quý Dầu, sinh năm 1994, tại thôn 1 - Trung Kiên - Yên Lạc thực hiện hành vi quan hệ tình dục trái ý muốn.	Công văn đề nghị trợ giúp pháp lý số 04 ngày 20/8/2020 gửi Trung tâm trợ giúp pháp lý tỉnh Vĩnh Phúc	Khởi tố Trần Quý Dầu về tội "Giao cấu với người từ đủ 13 đến dưới 16 tuổi"	



8		30/12/2020	Khoảng 21h ngày 30/12/2020 Công an huyện Bình Xuyên tiếp nhận đơn trình báo của Giảng Thị Nức - sinh năm 2006 ở Sơn Hồ - Lai Châu, bị Trần Văn Chiên - sinh năm 1984 ở Nhân Nghĩa - Sơn Lôi - Bình Xuyên hiếp dâm tại khu công nghiệp Ba Thiện 1 - Bình Xuyên.	Công văn đề nghị trợ giúp pháp lý số 04 ngày 01/01/2021 gửi Trung tâm trợ giúp pháp lý tỉnh Vĩnh Phúc	Khởi tố Trần Văn Chiên về tội "Hiếp dâm người dưới 16 tuổi"	
9		7/1/2021	Ngày 10/01/2021 Công an huyện Bình Xuyên tiếp nhận tin báo của Nguyễn Thị Hồng - sinh năm 1988 ở Hương Canh - Bình Xuyên, ngày 07/01/2021 tại nhà nghỉ Tuyết Mai - Quất Lưu - Bình Xuyên, con gái chị là Đỗ Bảo Thương - sinh năm 2008 bị Nguyễn Đăng Khoa - sinh năm 2000 ở Thanh Liêm - Hà Nam có hành vi quan hệ tình dục với Thương	Công văn đề nghị trợ giúp pháp lý số 05 ngày 11/1/2021 gửi Trung tâm trợ giúp pháp lý tỉnh Vĩnh Phúc.	Khởi tố Nguyễn Đăng Khoa về tội "Hiếp dâm người dưới 16 tuổi"	
10		28/01/2021	Hồi 23h30 ngày 28/01/2021 Nguyễn Đức Minh - sinh năm 2004 ở Tô dân phố Trong Ngoại - thị trấn Hương Canh - Bình Xuyên đến Công an huyện đầu thú: Khoảng cuối tháng 11/2020 đến đầu tháng 01/2021 tại Tô dân phố Trong Ngoại - thị trấn Hương Canh - Bình Xuyên Mạnh có hành vi giao cấu với Phạm Thị Ngọc Mai - sinh năm 2008 ở Xuân Mới - Phúc Yên.	Công văn đề nghị trợ giúp pháp lý số 08 ngày 29/01/2021 gửi Trung tâm trợ giúp pháp lý tỉnh Vĩnh Phúc	Khởi tố Nguyễn Đức Minh về tội "Hiếp dâm người dưới 16 tuổi"	
11	Năm 2021	12/2/2021	Ngày 12/03/2021 Công an huyện Bình Xuyên tiếp nhận tin báo của chị Nguyễn Thị Thanh - sinh năm 1975 ở Đàm Nội - Tiên Châu - TP. Phúc Yên - Vĩnh Phúc. Nội dung: Ngày 12/2/2021, con gái chị Thanh là cháu Nguyễn Thị Duyên - sinh năm 2005 bị Nguyễn Đăng Hưng - sinh năm 2002 ở Đàm Xuyên - Tiên Châu - TP. Phúc Yên - Vĩnh Phúc thực hiện hành vi giao cấu tại nhà nghỉ Trang Thơ ở Tô dân phố Tháng Lợi - thị trấn Hương Canh - Bình Xuyên	Công văn đề nghị trợ giúp pháp lý số 16 ngày 08/5/2021 gửi Trung tâm trợ giúp pháp lý tỉnh Vĩnh Phúc	Khởi tố Nguyễn Đăng Hưng về tội "Giao cấu với người từ đủ 13 đến dưới 16 tuổi"	
12		22/3/2021	Ngày 22/3/2021 Công an huyện Bình Xuyên tiếp nhận tin báo về tội phạm của Công an thị trấn Hương Canh chuyển đến. Nội dung: Ngày 22/3/2021 Công an thị trấn Hương Canh tiếp nhận đơn trình báo của chị Nguyễn Thị Liên - sinh năm 1968 ở Lô Cang - thị trấn Hương Canh - Bình Xuyên về việc con gái chị Liên là Nguyễn Bảo Yên - Sinh năm 2007 bị Nguyễn Anh Tuấn - Sinh năm 1995 ở Liên Hòa - Lập Thạch thực hiện hành vi giao cấu tại thị trấn Hương Canh - Bình Xuyên - Vĩnh Phúc.	Công văn đề nghị trợ giúp pháp lý số 15 ngày 23/4/2021 gửi Trung tâm trợ giúp pháp lý tỉnh Vĩnh Phúc	Khởi tố Nguyễn Anh Tuấn về tội "Giao cấu với người từ đủ 13 đến dưới 16 tuổi"	
III	Trẻ em bị mua bán					
1	Năm 2019	7/6/2019	Công an huyện Bình Xuyên nhận được đơn trình báo của chị Nguyễn Thị Giang - sinh năm 1980 ở Phú Cường - Làng Công - Sông Lô - Vĩnh Phúc, ngày 7/6/2019 con gái chị là cháu Trần Thị Duyên sinh ngày 27/7/2004 bị một số đối tượng lùa bán vào quán karaoke "Khánh Linh" ở Hưu Bằng 2 - Tam Hợp - Bình Xuyên - Vĩnh Phúc với giá 3 triệu đồng. Công an huyện Bình Xuyên xác minh làm rõ 03 đối tượng là Nguyễn Văn Phong sinh năm 2003 ở Nhân Đạo - Sông Lô; Đỗ Thái Ngọc - sinh năm 1998 ở Đôn Nhân - Sông Lô; Đỗ Văn Hiệp - sinh năm 2003 ở Đôn Nhân - Sông Lô	Công văn đề nghị trợ giúp pháp lý số 02 ngày 08/6/2021 gửi Trung tâm trợ giúp pháp lý tỉnh Vĩnh Phúc	Khởi tố 03 bị can về tội "Mua bán trẻ em dưới 16 tuổi"	



IV	Trẻ em bị các hình thức gây tổn hại khác			
1	Năm 2016	<p>Thị trấn Thanh Lăng có 01 trường hợp trẻ em bị nhiễm HIV, cụ thể: Ngày 20/6/2016, trẻ được xét nghiệm và phát hiện nhiễm HIV là Châu N.H.V, sinh năm 2013 là con ông N.H.B và bà N.T.H, cư trú tại thị trấn Thanh Lăng, huyện Bình Xuyên bị nhiễm HIV từ mẹ. Sau khi có kết quả xét nghiệm là trẻ bị nhiễm HIV, cháu đã được hỗ trợ điều trị tại trung tâm y tế huyện Bình Xuyên và được mở sổ theo dõi tại trạm y tế thị trấn Thanh Lăng từ ngày 31/5/2017. Châu N.H.V không thuộc gia đình hộ nghèo hay hộ cận nghèo của thị trấn</p>	<p>Hiện tại Châu N.H.V vẫn được hỗ trợ theo dõi và cấp thuốc điều trị tại trung tâm y tế huyện Bình Xuyên</p>	
2	Năm 2020	<p>Vào lúc 17 giờ 50 phút, ngày 04/6/2020, tại khu vực thôn Tam Quang – Thị trấn Gia Khánh, sau khi đi học về các cháu rủ nhau ra hồ để tắm (hồ Bắp cải) thuộc khu vực tổ dân phố Tam Quang, trong lúc tắm thì có 01 cháu bị đuối nước là cháu: Nghiệm Xuân Nam; mặc dù đã được người dân phát hiện, cứu vớt và sơ cứu kịp thời, nhưng cháu Nghiệm Xuân Nam không qua khỏi, từ vong ngay tại chỗ.</p> <p>Cháu Nghiệm Xuân Nam, sinh năm 2009, là học sinh lớp 5B trường Tiểu học Gia Khánh A; con ông Nghiệm Anh Tú, sinh năm 1978, có hộ khẩu thường trú tại Tổ dân phố Tam Quang; thị trấn Gia Khánh; Bình Xuyên; Vĩnh Phúc. Hoàn cảnh gia đình thuộc diện khó khăn.</p>	<p>Gia đình đã được UBND thị trấn hỗ trợ 1.000.000đ, Mặt trận tổ quốc huyện Bình Xuyên hỗ trợ 5.000.000đ</p>	
3	Năm 2020	<p>Chiều ngày 12/6/2020, sau khi đi học về, hai cháu rủ nhau ra khu đập Thương, sông Ba Hầm, đoạn Thịch Chung đi gò già thị trấn Bà Hiên chơi và bị trượt chân xuống sông và bị chết đuối, hai cháu là:</p> <p>Dương Xuân Luân, SN: 2008; con ông Dương Văn Luyện, có hộ khẩu thường trú tại Tổ dân phố Bà Hương; thị trấn Bà Hiên, huyện Bình Xuyên, Vĩnh Phúc.</p> <p>Dương Hoàng Phi Dũng, SN: 2008; con ông Dương Văn Sim, hộ khẩu thường trú tại Tổ dân phố Văn Giảo, thị trấn Bà Hiên, huyện Bình Xuyên, Vĩnh Phúc.</p> <p>Hoàn cảnh gia đình hai cháu thuộc diện khó khăn.</p>	<p>Gia đình đã được UBND thị trấn hỗ trợ, mỗi gia đình 1.500.000đ. Mặt trận tổ quốc huyện Bình Xuyên hỗ trợ mỗi gia đình các cháu 5.000.000đ</p>	
4	Năm 2020	<p>Năm 2019: Tái thị trấn Thanh Lăng, khoảng 9h ngày 20/10/2021, em Nguyễn Thị Quỳnh Như sinh ngày 21/10/2011 khi đi qua ngã tư Tô dân phố Công Bình bị xe ô tô va chạm.</p> <p>Hậu quả em Như từ vong tại chỗ.</p>	<p>Gia đình đã được UBND thị trấn hỗ trợ 5.000.000đ.</p>	
5	Năm 2020	<p>Năm 2020: Ngày 11/12/2020, cháu Nguyễn Kim Ngân sinh ngày 21/09/2019 từ trong sân nhà bà ngoài chạy ra công bị xe va chạm vào, hậu quả cháu Ngân từ vong tại chỗ</p>	<p>Gia đình đã được UBND thị trấn hỗ trợ 3.000.000đ</p>	



6	Năm 2021		<p>Ngày 03/10/2021 UBND xã Tân Phong nhận được đơn đề nghị của bà Vũ Thị Đình ở thôn Tân An - xã Tân Phong - Bình Xuyên - Vĩnh Phúc đề nghị tiếp nhận cháu Chu Nhật Hoàng, sinh ngày 29/8/2012 vào cơ sở bảo trợ xã hội tỉnh Vĩnh Phúc. Cháu Chu Nhật Hoàng sinh ngày 29/08/2012 có bố là Chu Đình Hưng, mẹ là Vũ Thị Lan. Bố mẹ cháu đã vi phạm pháp luật đang phải thi hành án phạt tù tại trại Quyết Tiến - Tuyên Quang, đến thời điểm hiện nay vẫn chưa chấp hành xong án phạt tù. Cháu không còn người thân thích, chỉ còn bác ruột là bà Vũ Thị Đình (chị gái mẹ) ở thôn Tân An - xã Tân Phong nhưng bác cũng không có điều kiện chăm sóc nuôi dưỡng nên đề nghị đưa cháu vào Trung tâm Bảo trợ xã hội tỉnh chăm sóc nuôi dưỡng đến khi bố mẹ cháu chấp hành xong án phạt tù. UBND xã Tân Phong đã tiếp nhận đơn và xác minh hoàn cảnh thực tế của cháu Chu Nhật Hoàng và báo cáo Phòng LĐTBXH huyện Bình Xuyên.</p>		
			<p>Trung tâm BTXH tỉnh Vĩnh Phúc đã về cùng với UBND xã xác minh đối tượng. Sau khi xác minh đối tượng đủ điều kiện được tiếp nhận vào trung tâm, UBND xã Tân Phong tiến hành lập hồ sơ gửi Phòng LĐ-TBXXH huyện và Trung tâm BTXH tỉnh</p>		



**PHỤ LỤC SỐ 03. XÁC ĐỊNH SAI THỜI ĐIỂM HƯỞNG ĐÓI VỚI TRẺ EM CÓ HOÀN CẢNH ĐẶC BIỆT
TẠI HUYỆN BÌNH XUYỀN**

STT	Họ tên	Năm sinh	Đối tượng	Số quyết định hưởng	Ngày ban hành quyết định	Ngày cấp giấy XDMDKT	Thời điểm hưởng theo quyết định	Thời điểm hưởng theo quy định	Mức hưởng	Số tháng thiếu	Số tiền
1	Nguyễn Quang Khai	2018	Khuyết tật đặc biệt nặng	3587	23/12/2020		01/01/2021	01/12/2020	1.117.500	1	1.117.500
2	Vũ Dương Đức	2019	Trẻ mồ côi	2580	21/9/2020		01/10/2020	01/9/2020	1.117.500	1	1.117.500
3	Dương Văn Hùng	2003	Trẻ mồ côi (đang đi học)	2603	23/9/2020		01/10/2020	01/9/2020	670.000	1	670.000
4	Nguyễn Bảo Yến	2013	Khuyết tật nặng	730	17/3/2020		01/4/2020	01/3/2020	894.000	1	894.000
5	Lưu Quang Thắng	2013	Khuyết tật nặng	3570	23/12/2020		01/01/2021	01/12/2020	894.000	1	894.000
6	Kiều Anh Duy	2005	Trẻ mồ côi	2009	19/7/2021		01/8/2021	01/7/2021	670.000	1	670.000
7	Nguyễn Minh Hiếu	2015	Khuyết tật nặng	2142	29/7/2021	05/7/2021	01/8/2021	01/7/2021	894.000	1	894.000
TỔNG											6.257.000



**Phụ lục số 04a. Chính sách hỗ trợ giáo dục, đào tạo và giáo dục nghề nghiệp trên địa bàn
huyện Bình Xuyên**

STT	Nội dung	Năm học 2019-2020		Năm học 2020-2021		Ghi chú
		Số người	Số tiền	Số người	Số tiền	
I	Giáo dục đào tạo					
1	Đối tượng miễn học phí	670	211.722.000	275	223.500.000	
2	Đối tượng giảm học phí	7212	5.586.372.000	7.029	7.050.000.000	
3	Đối tượng hỗ trợ chi phí học tập	536	239.390.000	393	351.000.000	
II	Giáo dục nghề nghiệp					
I	Hỗ trợ đối tượng chính sách đóng học phí	39	144.720.000	3	37.900.000	Năm học 2020-2021 chưa thực hiện

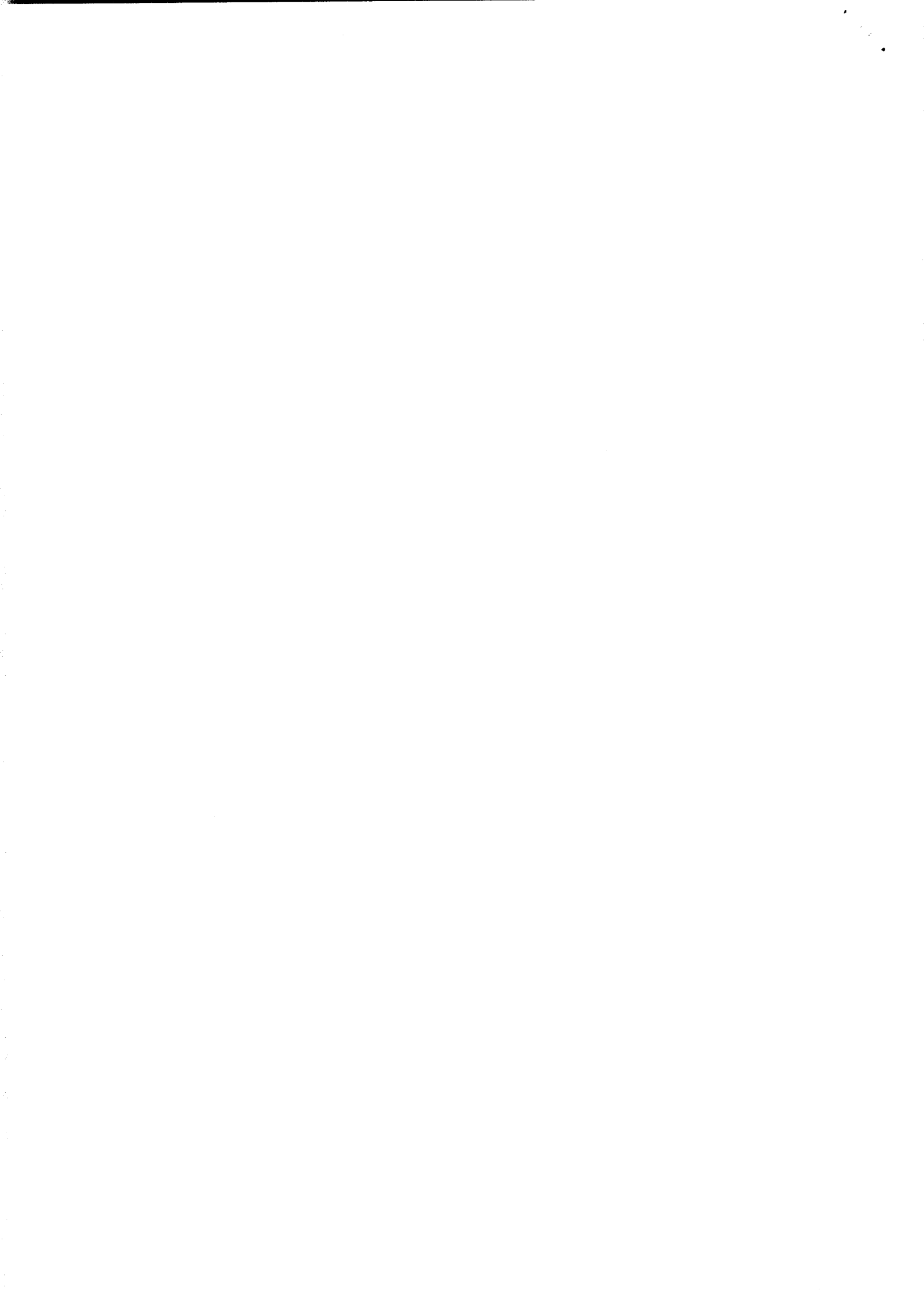


**PHỤ LỤC SỐ 04b. TỌNG HỢP KINH PHÍ HỖ TRỢ CHÍNH SÁCH CẤP BÙ ĐO MIỄN, GIẢM HỌC PHÍ, CHI PHÍ HỌC TẬP,
TIỀN ẢN TRƯẢ CHO TRẺ 3,4,5 TUỔI KỲ II- NĂM HỌC 2020-2021 CHƯẢ ĐƯỢC CẤP KINH PHÍ
TẠI HUỖN BÌNH XUYỀN**

TT	Tên cơ sở giáo dục	Kinh phí cấp bù do miễn, giảm học phí theo ND 86/NĐ-CP/2015		Theo NQ 24/2016/NQ-HĐND ngày 21/7/2016 của HĐND tỉnh Vĩnh Phúc	Hỗ trợ chi phí học tập theo Nghị định 86/NĐ-CP/2015	Hỗ trợ theo Nghị định 57/NĐ-CP/2017	Hỗ trợ cho người khuyết tật theo Nghị định 42/TTLT/2013	Hỗ trợ ăn trưa cho trẻ 3,4,5 tuổi Nghị định 105/2020	Tổng cộng
		ND 86/NĐ-CP/2015	CP/2015						
I	Khởi mầm non								
1	Lương Hồng	2.940.000		104.160.000	1.500.000			3.360.000	111.960.000
2	Liên Hiệp	420.000		152.880.000				480.000	153.780.000
3	Đông Xuân			115.500.000				2.400.000	117.900.000
4	Phú Xuân A	240.000		48.720.000				480.000	49.440.000
5	Phú Xuân B	480.000		45.120.000	1.000.000			960.000	47.560.000
6	Tân Phong			90.000.000	1.500.000			3.840.000	95.340.000
7	Đạo Đức	5.460.000		259.560.000	600.000		1.000.000	6.240.000	272.860.000
8	Tiên Hương	2.100.000			500.000			2.400.000	5.000.000
9	Hương Canh				2.500.000			1.920.000	4.420.000
10	Hoa Mai	3.360.000			1.500.000			3.840.000	8.700.000



11	Son Lôi	960.000	127.680.000	2.500.000			2.880.000	134.020.000
12	Tam Hợp	480.000	108.960.000	1.000.000			5.280.000	115.720.000
13	Quất Lưu	480.000	56.400.000	500.000			960.000	58.340.000
14	Hương Sơn	240.000	85.200.000	500.000			2.400.000	88.340.000
15	Thiện Kế	720.000	73.680.000				1.440.000	75.840.000
16	Gia Khánh	420.000	192.780.000	500.000			1.920.000	195.620.000
17	Gia Khánh B	420.000	84.000000	500.000			3.360.000	88.280.000
18	Hoa Lan	420.000	113.400.000	500.000			480.000	114.800.000
19	Bông Sen	1.680.000	149.520.000	1.000.000			1.920.000	154.120.000
20	Hoa Phương	840.000	116.760.000	1.000.000			2.400.000	121.000.000
21	Trung Mỹ	750.000	69.300.000	2.500.000	1.788.000		227.040.000	301.378.000
		22.410.000	1.993.620.000	19.600.000	1.788.000	1.000.000	276.000,000	2.314.418.000
II	Khởi tiểu học							-
1	Bá Hiến B			10.000.000		11.920.000		21.920.000
2	Trung Mỹ			2.000.000		5.960.000		7.960.000
3	Tân Phong			2.000.000		5.960.000		7.960.000
4	Thanh Lăng A			3.000.000		5.960.000		8.960.000
5	Đạo Đức A			4.500.000		6.460.000		10.960.000
7	Gia Khánh A							





4	Thanh Lãng	3.480.000		3.500.000				6.980.000
5	Đạo Đức	3.360.000		1.500.000		6.460.000		11.320.000
6	Bá Hiến	8.000.000		6.500.000		18.880.000		33.380.000
7	Tam Hợp	2.430.000		3.000.000		18.380.000		23.810.000
8	Hương Sơn	2.250.000		3.000.000				5.250.000
9	Sơn Lôi	1.170.000		1.000.000				2.170.000
10	Phú Xuân	2.250.000		5.000.000				7.250.000
11	Tân Phong	1.350.000		3.500.000		11.920.000		16.770.000
12	Quất Lâm			1.000.000				1.000.000
13	Thiên Kế			2.000.000				2.000.000
14	Trung Mỹ			2.000.000				2.000.000
		30.170.000		37.500.000		55.640.000		123.310.000
	Tổng cộng	52.580.000	1.993.620.000	122.600.000	1.788.000	92.900.000	276.000.000	2.539.488.000



Phụ lục số 05: Kinh phí cho công tác bảo vệ trẻ em trên địa bàn tỉnh Vĩnh Phúc

(Đơn: Nghìn đồng)

Số TT	Danh mục nguồn kinh phí	Kinh phí bố trí			Kinh phí đã sử dụng		
		Năm 2019	Năm 2020	Năm 2021	Năm 2019	Năm 2020	Năm 2021
I	Nguồn kinh phí để thực hiện công tác bảo vệ trẻ em	34.402.885	35.510.932	35.971.940	33.106.834	35.219.683	29.785.687
1	Hỗ trợ từ ngân sách Trung ương	250.000	360.000	0	247.638	87.200	0
2	Ngân sách địa phương	28.134.184	30.685.732	31.945.260	27.093.174	30.488.388	26.047.626
3	Nguồn khác (vận động xã hội hóa)	6.018.701	4.465.200	4.026.680	5.766.022	4.644.095	3.738.061
II	Nội dung kinh phí	34.402.885	35.510.932	35.971.940	33.106.834	35.219.683	29.785.687
1	Kinh phí trợ giúp xã hội đối với đối tượng bảo trợ xã hội là trẻ em	13.212.316	14.373.338	14.147.749	13.212.316	14.373.338	14.147.749
2	Kinh phí tuyên truyền	1.958.372	2.178.630	3.283.000	1.894.062	1.921.210	2.284.750
3	Kinh phí tập huấn về bảo vệ, chăm sóc trẻ em	626.758	583.830	942.000	606.896	540.734	532.000
4	Kinh phí của Quỹ Bảo trợ trẻ em	9.998.870	9.250.000	8.800.000	8.812.297	9.257.516	6.165.595
5	Kinh phí trợ cấp nuôi dưỡng tại cơ sở bảo trợ xã hội	105.390	139.666	162.783	105.390	139.666	162.783
6	Kinh phí hoạt động thường xuyên và các chi khác về bảo vệ, chăm sóc trẻ em có hoàn cảnh đặc biệt	2.246.985	2.238.000	2.050.000	2.241.185	2.083.040	2.068.370
7	Kinh phí thực hiện quy trình can thiệp, trợ giúp trẻ em trong trường hợp khẩn cấp	76.000	44.000	92.000	72.800	54.500	77.000
8	Chi khác	6.178.194	6.703.468	6.494.408	6.161.888	6.849.679	4.347.440

Ghi chú: - Số liệu năm 2019, 2020 tính đến ngày 31/12 hàng năm;

- Số liệu năm 2021 tính từ ngày 01/01 đến thời điểm báo cáo.

